

Tiết 1: Hoạt động tập thể

Phần I: Sinh hoạt dưới cờ

Phần II: HĐTN: BÀI 3: SƠ ĐỒ TƯ DUY (tiết 3)

A. Mục tiêu :

- HS đọc được thông tin ở sơ đồ tư duy và tự đánh giá được những điều em đã học từ sơ đồ tư duy.
- Rèn kĩ năng cách đánh giá và thông hiểu , giữ gìn những gì em đã làm được từ sơ đồ tư duy.
- HS có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân và hứng thú học tập .

B. Chuẩn bị:

- GV: Phieeud bài tập như trong SGK hoạt động 6.
- HS: SGK, bút, các bài thơ văn, ảnh, giấy màu, kéo, keo.

C. Các hoạt động dạy - học :**I. Phần khởi động (5P)**

- Cho HS hát bài hát:
- Bài hát cho em biết gì?
- GTB bằng lời và ghi đầu bài lên bảng.

II. Phần phát triển bài (27P)**Hoạt động : Em học được gì?**

* *Mục tiêu:* Tự đánh giá được những điều em đã học từ việc lập sơ đồ tư duy .

- Gọi HS đọc mục tiêu của HĐ 4 trong SGK trang 26

+ Mục tiêu yêu cầu các em phải làm gì?

- Gọi HS đọc yêu cầu của BT.
- Hỏi: bài tập yêu cầu các em phải làm gì?

GV phát hiệu cho HS thảo luận theo nhóm 2 trao đổi nhau làm bài vào phiếu trong 5 phút.

+ Mục tiêu yêu cầu tự đánh giá những điều em đã học từ việc làm an-bum kỉ niệm, từ đó có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân.

- 2HS nối tiếp nhau đọc YC của BT.

- Bài tập yêu cầu chúng em phải làm đánh dấu X vào cột phù hợp với ý kiến của em.

- HS nhận phiếu và thảo luận theo nhóm 2 trao đổi nhau làm bài vào phiếu trong 5 phút.

Làm nghiên TT	Điều em học được	Ý kiến của em		
		Đúng	Không rõ	Chưa đúng
1	Em biết được lợi ích của sơ đồ tư duy Và cách sử dụng tư duy trong học tập.	X		
2	Em biết 7 bước lập sơ đồ tư duy.	X		
3	Em biết cách thực hiện theo 7 bước để lập sơ đồ tư duy cho một nội	X		

	dùng tự chọn			
4	Em biết đọc thông tin từ sơ đồ tư duy .	X		
5	Em cảm thấy vui sướng khi tự mình lập sơ đồ tư duy về vấn đề mình yêu thích .	X		
6	Em thấy mình làm được kiến thức nhanh hơn khi sử dụng sơ đồ tư duy trong bài học	X		
7	Em thấy mình cần sử dụng sơ đồ tư duy trong nhiều môn học	X		
III. Phần kết thúc (3P) - Y/c HS lập sơ đồ tư duy trong nhiều môn học - Dặn HS về nhà đọc lại bài và xem nội dung tiếp theo trong bài - Nhận xét giờ học.		- Lắng nghe.		

Tiết 2: Toán

CHIA HAI SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CÁC CHỮ SỐ 0

I. Mục tiêu:

- Nắm được cách chia hai số có tận cùng là các chữ số 0 .
- HS thực hành đặt tính, tính với các phép chia 2 số có tận là các chữ số 0; vận dụng vào tìm thừa số chưa biết và giải toán
- Giáo dục HS ý thức tự giác, cẩn thận trong tính toán, trình bày bài làm

II. Đồ dùng:

- Bảng con BT1,2

III. Các hoạt động dạy - học.

A. Kiểm tra bài cũ :

- Gọi hs lên bảng tính theo các cách khác nhau
a, $(12 \times 9) : 3$ b, $(8 \times 5) : 4$
- Gọi hs nêu khi chia một tích cho một số ta làm thế nào ?
- Nhận xét.

B. Bài mới :

1. Giới thiệu bài :

2. Hướng dẫn tìm hiểu bài

a) Giới thiệu trường hợp số bị chia và số chia đều có 1 chữ số 0 tận cùng

- GV viết phép chia: $320 : 40$
- Yêu cầu hs vận dụng tính kết quả phép tính
 $= 320 : (10 \times 4)$ (viết $40 = 10 \times 4$)
 $= 320 : 10 : 4$ (1 số : 1 tích)
 $= 32 : 4$ (Chia cho 10)
 $= 8$
 $320 : 40 = 32 : 4$
 $320 : 40$ ta có thể làm như thế nào?

- HS đọc phép tính
- HS làm bài theo các cách khác nhau
- HS nêu cách chia 1 số tròn chục (tròn trăm) (tròn nghìn) cho 10; 100; 1000 ..
- Tính nhanh kết quả.

Chốt: Cùng xoá 1 chữ số 0 ở tận cùng số chia và số bị chia để được phép chia $32 : 4$ rồi chia như bình thường.

$$\begin{array}{r} 320 \overline{) 40} \\ \underline{8} \\ 0 \end{array}$$

- Đặt tính
- Cùng xoá 1 chữ số 0 ở số chia và số bị chia rồi chia như thường.

- Gv hướng dẫn cách làm.

b) Giới thiệu trường hợp số chữ số 0 ở tận cùng của số bị chia nhiều hơn số chia.

$$\begin{aligned} & 32000 : 400 \\ = & 32000 : (100 \times 4) \\ = & 32000 : 100 : 4 \\ = & 320 : 4 \\ = & 80 \end{aligned}$$

$$\begin{array}{r} 32000 \overline{) 400} \\ 00 \overline{) 80} \end{array}$$

- Đặt tính
- Cùng xoá 2 chữ số 0
- Thực hiện $320 : 4$

- Khi chia hai số có tận cùng là chữ số 0 làm thế nào?

Chốt: Khi chia hai số có tận cùng là chữ số 0 ta thực hiện:

Chốt

+ Đặt tính

+ Xoá bao nhiêu chữ số 0 ở tận cùng của SC thì phải xoá đi bấy nhiêu chữ số 0 ở tận cùng của SBC

+ Thực hiện phép chia bình thường.

3. Luyện tập.

Bài 1: Tính:

$$\begin{aligned} 420 : 60 &= \\ 4500 : 500 &= \\ 92000 : 400 &= \end{aligned}$$

Chốt cách tính nhẩm

Bài 2a: Tìm x:

$$a. X \times 40 = 25600$$

- Muốn tìm thừa số chưa biết, ta làm thế nào?
- Yêu cầu hs làm bài vào vở
- HS nào hoàn thành phần a trước thì làm phần b vào nháp

Chốt cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính

Bài 3a:

- Gọi hs đọc bài toán
- Yêu cầu hs làm bài vào vở
- HS nào hoàn thành phần a trước thì làm phần b

- HS nêu cách làm bài
- HS nhắc lại cách làm

- HS theo dõi GV hướng dẫn
- HS thực hiện tương tự như a
- 3 -> 4 HS báo cáo
- HS nêu cách làm

- 1 HS nêu yêu cầu.
- HS nêu miệng kết quả
- HS khác nhận xét

- Ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.
- HS làm cá nhân vào vở
- HS làm nháp

- 1 HS đọc đề bài.
- HS tự làm bài (phần a)

vào nháp

- Gọi hs chữa bài

- Nhận xét - đánh giá.

Chốt cách giải bài toán có lời văn.

- HS làm phần b vào nháp

- HS chữa bài.

3. **Củng cố dặn dò :**

-Nêu lại cách chia 2 số có tận cùng là các chữ số 0.

-Nhận xét tiết học. Dặn HS về học bài ; học lại các bảng chia và xem trước bài sau: *Chia cho số có 2 chữ số*

Tiết 3: **Tập đọc** **CÁNH DIỀU TUỔI THƠ**

I.Mục tiêu:

- Đọc đúng: nâng lên, nhìn lên trời, nỗi khát khao...; đọc trôi chảy, lưu loát toàn bài, biết đọc bài văn với giọng vui, hồn nhiên; bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài.

- Hiểu từ ngữ trong bài: mục đồng, khát vọng, tuổi ngọc ngà, sáo đơn, sáo kép, sáo bè, dải Ngân Hà, nàng tiên áo xanh... ; hiểu nội dung bài: Niềm vui sướng và những khát vọng tốt đẹp mà trò chơi thả diều mang lại cho lứa tuổi nhỏ.

- GD HS thấy được sự bổ ích, lí thú, hấp dẫn của TC dân gian, yêu thích trò chơi dân gian, ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc. GD ý thức bảo vệ môi trường sống để môi trường luôn sạch, đẹp và có bầu không khí trong lành.

II.Đồ dùng dạy - học :

- Tranh minh họa bài tập đọc (trong bộ đồ dùng)

- Bảng phụ ghi sẵn câu văn cần luyện đọc.

III.Các hoạt động dạy - học

A. Bài cũ:

- Kiểm tra 2 em đọc bài cũ Chú Đất Nung (phần 2), trả lời câu hỏi về nội dung bài.

B- Bài mới:

1.Giới thiệu bài :

Giới thiệu về trò chơi thả diều (tranh minh họa)

2.Nội dung.

Hoạt động 1: *Hướng dẫn luyện đọc*

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.

-Bài văn chia làm mấy đoạn ?

- GV gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài.HDHS luyện đọc câu dài (bảng phụ):

*“ Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ
đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời /
và bao giờ cũng hy vọng khi thả thiết cầu xin /*

- HS đọc, cả lớp theo dõi đọc thầm theo bạn.

2 đoạn :

Đoạn 1: Từ đầu đến “... *những vì sao sớm*”

Đoạn 2: Còn lại.

- HS đọc nối tiếp từng đoạn của bài

- 2 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- HS luyện đọc ngắt nghỉ , nhấn giọng.

: “ Bay đi điều ơi! // Bay đi!!!”

GV kết hợp hướng dẫn HS sửa lỗi phát âm:

Trầm bổng, sung sướng, nỗi khát khao, ...

- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2. Kết hợp giải nghĩa khó : *mục đồng, huyền ảo, khát vọng, tuổi ngọc ngà, khát khao.*

- GV đọc diễn cảm toàn bài: với giọng vui tha thiết, nhấn giọng từ ngữ gợi tả, gợi cảm...

Hoạt động 2: Hướng dẫn tìm hiểu bài

- Tác giả đã chọn những chi tiết nào để tả cánh diều?

- Cánh diều được miêu tả bằng những giác quan nào?

Ý 1: *Tả vẻ đẹp của cánh diều.*

- Trò chơi thả diều đem lại cho trẻ em những niềm vui lớn và những mơ ước đẹp ntn?

- Qua các câu mở bài và kết bài tác giả muốn nói điều gì về cánh diều tuổi thơ?

Ý 2: *Cánh diều khơi gợi những ước mơ đẹp cho tuổi thơ.*

-Tích hợp cảm thụ văn học cho HS: H/d tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật, những từ ngữ gợi tả, gợi cảm được sử dụng để miêu tả cánh diều cũng như miêu tả niềm vui mà TC đem lại

- Em hãy nêu ý chính của bài.

GD ý thức bảo vệ môi trường sống để môi trường luôn sạch, đẹp và có bầu không khí trong lành.

Hoạt động 3: Đọc diễn cảm

- Gọi 2 hs nối tiếp nhau đọc bài

- GV đưa bảng phụ nội dung đoạn văn cần luyện đọc:

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều.

Chiều chiều trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát đại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng.

- Tổ chức cho hs thi đọc đoạn văn

- Nhận xét giọng đọc.

- Tổ chức cho hs thi đọc toàn bài

- Nhận xét

- 2 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

-Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn

- HS đọc đoạn 1

- Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Tiếng sáo diều vi vu ..

- Mắt nhìn, tai nghe.

- 1 HS đọc đoạn 2.

- Trò chơi thả diều đem lại cho trẻ những niềm vui và mơ ước đẹp.

- Tác giả muốn nói: cánh diều khơi gợi những ước mơ đẹp cho tuổi thơ.

- HS tìm biện pháp nghệ thuật, từ ngữ gợi tả... được sử dụng, nêu cái hay, cái đẹp cảm nhận được qua việc sử dụng đó

- *Niềm vui sướng và những khát vọng tốt đẹp mà trò chơi thả diều mang lại cho bạn nhỏ.*

- 2 HS đọc, lớp đọc thầm

- HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm 2

- HS đọc trước lớp

- Hs khác nhận xét và tìm ra giọng đọc hay

- Thi đọc diễn cảm

3. Củng cố, dặn dò:

+Nêu lại nội dung bài đọc.

- Liên hệ về một số trò chơi dân gian; việc tổ chức lễ hội thả diều hàng năm ở Huế và một số nơi khác, giáo dục HS yêu mến trò chơi dân gian, có ý thức giữ gìn truyền thống dân tộc.

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về đọc bài, học bài, đọc và tìm hiểu trước bài sau: *Tuổi Ngựa*

Tiết 4: Chính tả**NGHE - VIẾT: CÁNH ĐIỀU TUỔI THƠ****I. Mục tiêu:**

- Nghe - viết đúng bài chính tả; trình bày đúng đoạn văn: Cánh diều tuổi thơ (từ đầu ...đến những vì sao sớm)

- Làm đúng các bài tập phân biệt các âm đầu tr/ch

- GD ý thức giữ vở sạch, rèn chữ đẹp; giáo dục ý thức lựa chọn trò chơi , đồ chơi hợp lí, bổ ích (BT2)

II. Đồ dùng:

- Bảng nhóm BT2a; HS chuẩn bị bảng con.

III. Các hoạt động dạy - học**A. Kiểm tra bài cũ :**

- GV đọc cho 2 HS viết trên bảng lớp, cả lớp viết trong bảng con các từ :

sung sướng, xấu xí, xôn xao, sầm sập, xám xịt

- Y/c HS đặt câu với 1 từ trong số đó

- H/d nhận xét

B. Bài mới :

1. *Giới thiệu bài:* Ghi bảng đầu bài- nêu mục đích yêu cầu tiết học.

2. *Nội dung.*

Hoạt động 1: Hướng dẫn hs nghe viết.

a) Tìm hiểu nội dung đoạn văn:

- Gọi hs đọc đoạn văn

+ Cánh diều đẹp như thế nào?

+ Cánh diều đem lại cho tuổi thơ niềm vui sướng như thế nào?

- GV nhận xét bổ sung.

- Nêu nội dung đoạn văn?

GDBVMT: Giáo dục ý thức yêu thích cái đẹp của thiên nhiên và biết quý trọng những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ.

b) Hướng dẫn viết từ khó

- Yêu cầu HS tìm từ khó dễ lẫn khi viết chính tả

- Gọi hs đọc lại các từ vừa tìm và viết bảng

- Nhận xét - sửa sai

c) Viết chính tả:

- GV đọc chậm, rõ ràng cho hs viết

(GV theo dõi, uốn nắn tư thế ngồi viết cho hs)

- HS đọc đoạn văn

- Cánh diều mềm mại như cánh bướm

- Các bạn hò hét, vui sướng đến phát dại nhìn lên trời.

- HS nêu: Niềm vui sướng của tuổi thơ qua trò chơi thả diều

- HS tìm, luyện viết từ khó:

- HS viết: mềm mại, phát dại, trầm bổng...

- HS viết vào vở

- HS đổi chéo bài soát lỗi cho

- Đọc lại cho HS soát lỗi
- Nhận xét một số bài

nhau

Hoạt động 2: Hướng dẫn làm bài tập

Bài 2a:

- Gọi hs đọc yêu cầu
- Yêu cầu hs làm bài theo nhóm 4, nhóm nào xong trước trình bày bài.
- Gọi nhóm khác bổ sung
- Nhận xét chốt đáp án đúng:
- Ch: *chong chóng, chó bông, que chuyền, chọi đế, chọi gà, thả chim, chơi chuyền, ...*
- Tr: *trống cơm, cầu trượt, trốngếch, trốn tìm, cắm trại, trồng nụ trồng hoa, ...*

- 1 hs đọc yêu cầu
- Hoạt động nhóm 4, gọi đại diện nhóm trình bày.
- HS nhận xét bổ sung

Bài 3:

- Gọi hs giới thiệu một đồ chơi mà mình đem đến lớp
- Gọi hs trình bày trước lớp.
- Nhận xét, tuyên dương hs.

- HS giới thiệu trước lớp
- HS nhận xét, bổ sung.

3. Nhận xét, dặn dò :

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về xem lại bài và ghi nhớ các trường hợp phân biệt chính tả trong bài. Xem trước bài chính tả sau: Nghe-viết: Kéo co.

Buổi chiều

Tiết 1: **Mĩ thuật** (GVC dạy)

Tiết 2: **Đạo đức**

BIẾT ƠN THẦY GIÁO, CÔ GIÁO (tiết 2)

I. MỤC TIÊU

- Biết được công lao của các thầy giáo, cô giáo đối với HS.
- Nêu được những việc cần làm thể hiện sự biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo.
- Lễ phép, vâng lời thầy giáo, cô giáo.
- Biết bày tỏ sự kính trọng, biết ơn các thầy, giáo cô giáo.
- Rèn cho HS kĩ năng: Lắng nghe lời dạy của thầy cô. Thể hiện sự kính trọng, biết ơn với thầy cô.

=> Gúp phần hình thành năng tự chủ và phẩm chất trung thực cho HS.

II. CHUẨN BỊ :

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

HD1: HD khởi động:

KIỂM TRA BÀI CŨ(5')

- Vì sao phải kính trọng thầy, cô giáo?
- Em hãy nêu những biểu hiện thể hiện sự kính trọng thầy, cô?

HD2: BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài(1')

2. HD1: Kể chuyện (bài 3- Sgk) (8')

- Em hãy kể một kỷ niệm đáng nhớ nhất về cô

- 1 số HS kể 1 số kỷ niệm của mình

giáo đã dạy em những năm học trước?

- Gv nhận xét.

3. HĐ2: Trình bày những sáng tác và tư liệu đã sưu tầm được (Bài 4 - 5) (8')

- Trình bày sáng tác những bài hát, bài thơ nói về công lao của thầy cô

- GV nhận xét tuyên dương nhiều em mạnh dạn, có ý thức tôn trọng thầy, cô giáo. - Rèn cho HS kĩ năng thể hiện sự kính trọng, biết ơn với thầy cô.

4. HĐ3: Làm bưu thiếp chúc mừng thầy giáo, cô giáo cũ (12')

- GV nêu yêu cầu của hoạt động.

- Tổ chức cho HS làm việc.

- Gọi HS giới thiệu sản phẩm của mình.

- GV nhận xét, tuyên dương

- GV liên hệ rèn cho HS kĩ năng: Lắng nghe lời dạy của thầy cô. Thể hiện sự kính trọng, biết ơn với thầy cô.

HĐ3: HĐ ứng dụng (4')

- Trao đổi với người thân về lòng biết ơn thầy cô giáo.

về thầy cô trong những năm đi học (kỷ niệm vui - buồn.....)

- HS trình bày theo nhóm hoặc cá nhân nhiều bài hát nói về công lao của thầy cô: Bụi phấn, mái trường mến yêu, mẹ của em ở trường.....
- Một số em đọc thơ, ca dao, tục ngữ.

- HS chú ý nghe.

- HS làm việc theo nhóm hoặc cá nhân.

- HS tham gia giới thiệu sản phẩm.

- Lớp nhận xét, bình chọn.

Tiết 3: **Tiếng Anh** (GVC dạy)

Thứ 3 ngày 13 tháng 12 năm 2022

Buổi sáng

Tiết 1: **Thể dục** (GVC dạy)

Tiết 2: **Toán**

CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (T1)

I- Mục tiêu:

- HS biết đặt tính và thực hiện phép chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số (chia hết và chia có dư).

- Áp dụng phép chia cho số có hai chữ số để giải toán có lời văn.

- Áp dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống. Ham thích môn học.

II- Đồ dùng dạy học :

-Bảng phụ ghi bài toán 2.

III- Các hoạt động dạy - học.

1 . *Giới thiệu bài* : Ghi bảng - nêu yêu cầu tiết học.

2. *Các hoạt động* :

Hoạt động 1: Hướng dẫn thực hiện

phép chia cho số có hai chữ số.

a, Trường hợp chia hết. (dạy thoát ly SGK)

- GV viết bảng phép chia: $805 : 35 = ?$
- Y/c HS sử dụng các kiến thức đã học để tìm kết quả phép chia.

- Gọi HS nêu kết quả phép chia.
- Hướng dẫn HS thực hiện chia trực tiếp.
- GV đặt tính
- Thực hiện phép tính, GV vừa tính vừa nêu miệng.
- Hướng dẫn HS ước lượng tìm thương trong mỗi lần chia .

Chẳng hạn: $80 : 35$ được 32; có thể lấy $8 : 3 = 2$

- Gọi HS nhận xét kết quả.
- Yêu cầu HS đặt tính chia và chia lại phép chia trên.
- Phép chia trên là phép chia hết hay còn dư?

b. Trường hợp chia có dư

- GV viết bảng phép chia : $486 : 13 = ?$
- Y/c HS đặt tính và thực hiện phép chia.
- Gọi 1 HS lên bảng thực hiện.
- GV theo dõi lưu ý HS cách nhẩm thương
- GV nhận xét bổ sung .
- Phép chia trên là phép chia hết hay còn dư?

Hoạt động 2 : Thực hành

Bài 1: Đặt tính và tính.

- Y/c HS làm bài.

Mở rộng: $714 : 34$, $846 : 66$

- Y/c HS nhận xét bài bạn làm trên bảng.
- Y/c một số HS nêu cách chia một số trường hợp.

Chốt: - Cách chia cho số có hai chữ số.

- Lưu ý số dư phải nhỏ hơn số chia.

Bài 2: GV treo bảng phụ ghi bài toán.

- Gọi HS đọc nội dung bài toán.

- Yêu cầu HS tự tóm tắt và giải bài toán.
- Y/c HS tự làm bài.

- Nhận xét

- Chốt giải toán có lời văn liên quan đến

- HS đọc phép chia.

- HS thực hiện:

Tách số chia $35 = 5 \times 7$

$$805 : 35 = 805 : (5 \times 7)$$

- HS nêu kết quả: $805 : 35 = 23$

- HS quan sát lắng nghe.

- HS nêu.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm vào vở nháp.

- Phép chia $805 : 35$ là phép chia hết.

- HS đọc phép chia.

- KKHS lên bảng đặt tính, thực hiện phép tính từ trái sang phải.

- Lớp nhận xét, bổ sung .

- Phép chia $486 : 13$ là phép chia có dư.

- Hoạt động cá nhân

- HS làm nhanh làm tiếp.

- 4 HS lên bảng chữa bài.

- Nhận xét cách trình bày và kết quả.

- HS nêu.

- Làm việc cá nhân

- HS đọc đề của bài tập.

- Tóm tắt bài toán

- Lập kế hoạch giải bài toán

- HS trình bày bài vào vở, 1HS lên

chia cho số có hai chữ số.

bảng làm bài.

- HS kiểm tra bài nhau, chữa bài trên bảng.

3. Củng cố, dặn dò

- GV tổng kết nội dung tiết học.

- Nhắc HS chuẩn bị bài sau: *Chia cho số có hai chữ số (tiếp)*

Tiết 3: Luyện từ và câu

MRVT: ĐỒ CHƠI- TRÒ CHƠI

I. Mục tiêu:

- Củng cố, mở rộng, hệ thống hóa vốn từ về đồ chơi, trò chơi; HS biết thêm tên một số đồ chơi, trò chơi (Bt 1, 2)

- HS phân biệt được những đồ chơi có lợi và những đồ chơi có hại (BT 3); nêu được một vài từ ngữ miêu tả tình cảm, thái độ của con người khi tham gia các trò chơi (BT 4).

- Giáo dục học sinh ý thức rèn luyện thân thể, lối sống lành mạnh qua lựa chọn đồ chơi, trò chơi

+KNS: HS xác định được tác động của các đồ chơi, trò chơi; tự nhận thức được việc lựa chọn đồ chơi, trò chơi của mình

II. Đồ dùng:

-HS chuẩn bị một số đồ chơi mang đến lớp; bảng nhóm BT1

III. Các hoạt động dạy- học

A. Kiểm tra bài cũ:

+Câu hỏi có thể dùng với các mục đích nào? Lấy ví dụ.

- Một số HS trả lời + giải thích rõ mục đích trong ví dụ

- Nhận xét .

Bài 1: Nói tên đồ chơi, trò chơi tả trong các bức tranh.

- Gv gắn tranh lên bảng: các tranh có những đồ chơi nào? Các bạn chơi trò chơi gì?

- Trong các trò chơi trên trò chơi nào bổ ích? Trò chơi nào nguy hiểm?

- GD HS biết yêu quý và giữ gìn đồ chơi, biết tham gia vào những trò chơi có ích.

Chốt tên các đồ chơi, trò chơi.

Bài 2: Tìm hiểu về các đồ chơi, trò chơi.

- Phát giấy + bút dạ cho các nhóm yêu

- HS quan sát tranh nối tiếp nêu tên đồ chơi, trò chơi có trong tranh. Lưu ý phân biệt đồ chơi và trò chơi.

Tranh	Đồ chơi	Trò chơi
1	diều	thả diều
2	đen ông sao, mũ lân, đầu rồng, trống	rước đèn ông sao
3	búp bê, dây nhảy, đồ hàng	nhảy dây, nấu ăn
4	máy tính, bộ xếp hình	chơi điện tử, lắp ghép hình
	dây kéo, gạc bắn	kéo co, bắn gạc
6	khăn	Bịt mắt bắt dê

- HS làm theo nhóm 4

-Nhóm nào xong trước lên dán trên bảng.

câu tìm thêm những từ ngữ chỉ đồ chơi, trò chơi khác
-Nhận xét, kết luận từ đúng
GDHS : Chúng ta cần phải biết bảo quản đồ chơi

Bài 3:

-Trong các trò chơi vừa kể ở trên, những trò chơi nào bạn nam ưa thích? Trò chơi nào bạn nữ ưa thích? Trò chơi nào cả bạn nam và nữ đều thích chơi?
-Những đồ chơi và trò chơi nào có ích? Chúng có ích như thế nào? Khi nào chúng trở nên có hại?

-Những đồ chơi, trò chơi nào có hại? Chúng có hại như thế nào?
- GV liên hệ thực tế những trò chơi có hại mà hs chơi ở trường.
GD HS biết tham gia vào những trò chơi có ích để bảo vệ SK.

Bài 4: Xác định yêu cầu bài tập

- Tìm các từ ngữ miêu tả tình cảm, thái độ của con người khi tham gia các trò chơi

- Đặt câu với một từ tìm được
- GV nhận xét.
Chốt các từ ngữ miêu tả tình cảm, thái độ của con người khi tham gia các trò chơi.

3. Cũng cố, dặn dò:

- Kể tên một số đồ chơi, trò chơi mà em biết.
- Nhận xét tiết học.
- Dặn hs ôn bài và chuẩn bị bài sau: *Giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi.*

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

-HS nối tiếp nhau trả lời
+Trò chơi bạn nam thích: đá bóng, đá cầu, cầu trượt, cờ tướng,...
+Trò chơi bạn nữ thích: chơi chuyền, chơi ô ăn quan, nhảy dây, bày cỗ đêm Trung thu,...
-HS thảo luận theo cặp
+Ích lợi của trò chơi: thả diều (vui, khỏe), rước đèn ông sao (vui), đá cầu (rèn luyện đôi chân, tinh mắt), xếp hình (rèn trí thông minh),...
+Các đồ chơi, trò chơi ấy nếu ham chơi quá, quên ăn, quên ngủ, quên học thì sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập. Chơi điện tử nhiều sẽ hại mắt.
+Súng phun nước (làm ướt người khác), súng cao su (giết hại chim, phá hoại môi trường, gây nguy hiểm nếu lỡ tay bắn vào người),...

- 1 Hs đọc yêu cầu của bài.
- Cả lớp suy nghĩ và ghi từ vào nháp.
- HS thi viết tiếp sức từ trên bảng.
VD: *say mê, say sưa, đam mê, mê, thích, ham thích, hứng thú, thích thú, vui, vui vẻ, vui thích, vui vui, hăng say, thú vị, hào hứng,....*
- HS đặt câu với 1 từ tìm được.
VD: Bạn Nam rất thích chơi thả diều
Em rất hào hứng khi chơi đá bóng.

I. Mục tiêu

- Nêu một số việc nên và không nên làm để tiết kiệm nước.
- Giải thích được lí do phải tiết kiệm nước. Kể tên được những việc làm tiết kiệm nước.

- Có ý thức thực hiện tiết kiệm nước và vẽ tranh cổ động tiết kiệm nước.

GDKN: giáo dục kĩ năng xác định giá trị bản thân và kĩ năng đảm nhận trách nhiệm trong việc tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn nước; kĩ năng bình luận về việc sử dụng nước.

GDBVMT: giữ vệ sinh nguồn nước, sử dụng tiết kiệm, khóa van nước khi không sử dụng.

GT: Không YC tất cả HS vẽ tranh cổ động. GVHD động viên KK để những em có khả năng tham gia vẽ tranh triển lãm.

II. Đồ dùng dạy học

- Hình trang 60, 61 SGK. Giấy A0 cho các nhóm vẽ, bút màu. (HĐ2)

III. Các hoạt động dạy học

A. Kiểm tra bài cũ

- Nêu cách bảo vệ nguồn nước.
- Gia đình em đã thực hiện bảo vệ nguồn nước như thế nào ?
- + HS trả lời, GV đánh giá

B. Bài mới :

1. Giới thiệu bài : Ghi bảng - nêu yêu cầu tiết học.

2. Các hoạt động :

Hoạt động 1: Những việc nên và không nên làm để tiết kiệm nước.

a) Mục tiêu:

- Nêu những việc nên không nên làm để tiết kiệm nước.
- Giải thích được lí do phải tiết kiệm nước.

b)Cách tiến hành:

-GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo định hướng.

-Chia HS thành các nhóm nhỏ để đảm bảo 2 nhóm thảo luận một hình vẽ từ 1 đến 6 trang 60- 61 SGK

-Yêu cầu các nhóm quan sát các hình minh hoạ được giao.

-Thảo luận và trả lời:

- + Em nhìn thấy những gì trong hình vẽ ?
- + Theo em việc làm đó nên hay không nên làm ?

Vì sao ?

-Gọi các nhóm trình bày, các nhóm khác có cùng nội dung bổ sung.

+Hình 1: Vẽ một người khoá van vòi nước khi nước đã chảy đầy chậu. Việc làm đó nên làm vì như vậy sẽ không để nước chảy tràn ra ngoài gây lãng phí nước.

+Hình 2: Vẽ một vòi nước chảy tràn ra ngoài chậu. Việc làm đó không nên làm vì sẽ gây lãng phí nước.

+Hình 3: Vẽ một em bé đang mời chú công nhân ở công ty nước sạch đến vì ống nước nhà bạn bị vỡ. Việc đó nên làm vì như vậy tránh không cho tạp chất bẩn lẫn vào nước sạch và không cho nước chảy ra ngoài gây lãng phí nước.

-HS thảo luận.

-HS quan sát, trình bày.

-HS trả lời.

+Hình 4: Vẽ một bạn vừa đánh răng vừa xả nước. Việc đó không nên làm vì nước sạch chảy vô ích xuống đường ống thoát gây lãng phí nước.

+Hình 5: Vẽ một bạn múc nước vào ca để đánh răng. Việc đó nên làm vì nước chỉ cần đủ dùng, không nên lãng phí.

+Hình 6: Vẽ một bạn đang dùng vòi nước tưới trên ngọn cây. Việc đó không nên làm vì tưới lên ngọn cây là không cần thiết như vậy sẽ lãng phí nước. Cây chỉ cần tưới một ít xuống gốc.

Kết luận: Nước sạch không phải tự nhiên mà có, chúng ta nên làm theo những việc làm đúng và phê phán những việc làm sai để tránh gây lãng phí nước.

Hoạt động 2: Tại sao phải thực hiện tiết kiệm nước.

a) Mục tiêu: Giải thích tại sao phải tiết kiệm nước.

b) Cách tiến hành:

GV tổ chức cho HS hoạt động cả lớp.

-Yêu cầu HS quan sát hình vẽ 7 và 8 / SGK trang 61 và trả lời câu hỏi:

+Em có nhận xét gì về hình vẽ b trong 2 hình 7 và 8?

+ Bạn nam ở hình 7a nên làm gì ? Vì sao ?

-GV nhận xét câu trả lời của HS.

+Vì sao chúng ta cần phải tiết kiệm nước ?

-HS suy nghĩ và phát biểu ý kiến.

-Quan sát suy nghĩ.

+ Bạn trai ngồi đợi mà không có nước vì bạn ở nhà bên xả vòi nước to hết mức. Bạn gái chờ nước chảy đầy xô đợi xách về vì bạn trai nhà bên vặn vòi nước vừa phải.

+ Bạn nam phải tiết kiệm nước vì:
Tiết kiệm nước để người khác có nước dùng.
Tiết kiệm nước là tiết kiệm tiền của.
Nước sạch không phải tự nhiên mà có.
Nước sạch phải mất nhiều tiền và công sức của nhiều người mới có.

-Chúng ta cần phải tiết kiệm nước vì: Phải tốn nhiều công sức, tiền của mới có đủ nước sạch để dùng. Tiết kiệm nước là dành tiền cho mình và cũng là để có nước cho người khác được dùng.

Kết luận: Nước sạch không phải tự nhiên mà có. Nhà nước phải chi phí nhiều công sức, tiền của để xây dựng các nhà máy sản xuất nước sạch. Trên thực tế không phải địa phương nào cũng được dùng nước sạch. Mặt khác, các nguồn nước trong thiên nhiên có thể dùng được là có giới hạn. Vì vậy chúng ta cần phải tiết kiệm nước. Tiết kiệm nước vừa tiết kiệm được tiền cho bản thân, vừa để có nước cho nhiều người khác, vừa góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

Hoạt động 3: Vẽ tranh cổ động tuyên truyền tiết kiệm nước

a) Mục tiêu: Bản thân HS biết tiết kiệm nước và tuyên truyền, cổ động người khác cùng tiết kiệm nước.

b) Tiến hành

- GV KKHS động viên những em có khả năng thì vẽ tranh cổ động

-GV nhận xét, khen ngợi các em.

- HS vẽ tranh

- Trình bày nội dung tranh

Kết luận: Chúng ta không những thực hiện tiết kiệm nước mà còn phải vận động,

tuyên truyền mọi người cùng thực hiện.

3. Củng cố, dặn dò :

- Gọi hs đọc mục Bạn cần biết
- Liên hệ bản thân, địa phương em.
- Dặn HS luôn có ý thức tiết kiệm nước và tuyên truyền vận động mọi người cùng thực hiện.
- Nhận xét giờ học
- Chuẩn bị bài sau: *Làm thế nào để biết có không khí?*

Buổi chiều

Tiết 1: Tin học (GVC dạy)

Tiết 2: Toán *

LUYỆN TẬP : CHIA MỘT TỔNG(HIỆU) CHO MỘT SỐ

I. Mục tiêu:

- Củng cố tính chất chia một tổng (hiệu) cho một số.
- Vận dụng các tính chất chia một tổng (hiệu) cho một số vào làm bài tập, giải toán.
- Giáo dục HS yêu môn học.

II. Đồ dùng:

- BP bài tập 2.

III. Các hoạt động dạy học

HĐ 1. Củng cố kiến thức:

- Yêu cầu HS nhắc lại các tính chất: Chia một tổng (hiệu) cho một số.
- Tính chất này được thực hiện khi nào?
- Lấy ví dụ về trường hợp các số hạng của tổng không chia hết cho số đó.

GV chốt kiến thức.

Lưu ý: Khi SH của tổng lần lượt chia hết cho SC thì ta mới chia lần lượt từng SH của tổng cho SC, nếu không chia hết thì ta tính tổng rồi chia cho SC.

- HS nhắc lại.

- Khi các số hạng của tổng (hoặc SBT, ST) đều chia hết cho số chia. HS nêu ví dụ: $(3 + 15) : 9$.

HĐ 2. Luyện tập:

Bài 1: Tính bằng 2 cách

a) $(27 + 24) : 3$ b) $(45 - 35) : 5$

- YC HS đọc đề rồi tự làm.
- HS so sánh tìm cách làm thuận tiện.

Củng cố tính chất chia 1 tổng(hiệu) cho một số.

- 2 HS lên bảng làm.

- HS cả lớp làm vào nháp.

- HS lên chữa bài.

- Lớp nhận xét, chữa bài, nêu lại tính chất.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $459 : 3 - 159 : 3$

b) $1875 : 2 + 125 : 2$

c) $0 : 36 \times (1 + 2 + 3 + \dots + 99)$

- Gọi chữa bài, nhận xét.

Củng cố chia 1 tổng (hiệu) cho một số.

- HS làm 3 phần.

- HS làm cả 4 phần.

- HS chữa bài.

- HS nêu.

+ Nêu cách tính phần c .

Lưu ý: Trường hợp (b) số bị chia trong mỗi thương không chia hết cho số chia nhưng khi vận dụng tính chất chia một tổng cho một số ta tính được giá trị của biểu thức.

Bài 3.

Nhà Hoa có 90 con gà, nhà Lan có 75 con, cả hai nhà đã bán $\frac{1}{5}$ số gà của nhà mình. Hỏi

cả hai nhà đã bán bao nhiêu con gà?

- Gọi HS đọc đề, tóm tắt sau đó tự giải.

C1 : Tìm số gà nhà Hoa đã bán

Tìm số gà nhà Lan đã bán

Tìm số gà cả hai nhà đã bán

C2 : Tìm tổng số gà cả hai nhà có

Tìm số gà cả hai nhà đã bán

-KHHS giải bằng 2 cách.

Củng cố giải toán có lời văn vận dụng tính chất một tổng chia cho một số.

Bài 4: Tích hai số là 140. Nếu bớt số thứ nhất 5 đơn vị thì tích hai số là 120. Tìm hai số đó.

HD:

Bớt số thứ nhất 5 đơn vị thì tích giảm 5 lần thừa số thứ hai.

5 lần thừa số thứ hai là : $140 - 120 = 20$

Thừa số thứ hai là : $20 : 5 = 4$

Thừa số thứ nhất là : $140 : 4 = 35$.

3. Củng cố dặn dò:

- Nhắc lại tính chất nhân một tổng (hiệu) với một số.

- Nhận xét giờ học.

- Hs đọc đề, tìm hiểu đề
- Tóm tắt bài toán
- Lập kế hoạch giải bài toán
- HS làm bài cá nhân.
- HS giải bằng hai cách.
- 1 HS lên bảng chữa bài. Lớp nhận xét.

- Hs đọc đề, phân tích đề
- Thảo luận cách làm.
- 1 HS lên bảng chữa bài. Lớp làm vào vở.

Tiết 3: **Âm nhạc** (GVC dạy)

Thứ 4 ngày 14 tháng 12 năm 2022

Buổi sáng

Tiết 1: **Toán**

CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (TIẾP THEO)

I. Mục tiêu:

- HS nắm được cách thực hiện phép chia số có 5 chữ số cho số có 2 chữ số (chia hết, chia có dư); cách trừ nhẩm tìm số dư trong mỗi lượt chia

- Rèn kỹ năng đặt tính và tính

- Giáo dục HS ý thức tự giác, cẩn thận trong tính toán, trình bày bài làm

II. Đồ dùng: bảng con BT1

III. Các hoạt động dạy - học

A. Kiểm tra bài cũ:

| - 1 HS lên bảng làm bài

- GV y/c HS thực hiện phép tính :

3444: 28

- Nhận xét

B. Bài mới: 1/ Giới thiệu bài:

2/ H/d cách chia số có 5 chữ số cho số có 2 chữ số :

VD1: GV đưa ví dụ về phép chia hết (SGK)

- Y/c HS tự lên đặt tính và nêu cách thực hiện

- H/d cụ thể cách thực hiện như những tiết trước, cách ước lượng thương và thực hiện thêm một phần đặt tính, tính nhưng h/d cách nhằm tìm số dư và viết số dư sau mỗi lượt chia:

$$\begin{array}{r} 10105 \quad | \quad 43 \\ 150 \quad | \quad \text{---} \\ 215 \quad | \quad 235 \\ 00 \end{array}$$

* Y/c HS so sánh sự khác nhau giữa cách trình bày đặt tính, tính trong bài hôm nay với các bài trước

VD2: Y/c HS tự thực hiện theo h/d trong VD1

- Y/c HS nêu đặc điểm số dư, cách thử kết quả phép chia có dư và không có dư

2. Luyện tập:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

- Y/c HS tự làm bài lần lượt từng phép tính

- H/d chữa bài

Củng cố cách đặt tính, tính + cách trừ nhằm số dư sau mỗi lượt chia

Bài 2:

- Yêu cầu hs đọc bài toán

- Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?

- Nêu các bước giải bài toán.

- YC hs làm bài vào nháp

C. Nhận xét- Dẫn dò :

- Nhận xét tiết học. Dẫn HS về thực hiện lại các phép tính chia trong bài học cho thành thạo. Xem trước bài sau: Luyện tập - trang 84

- Cả lớp làm vào nháp.

- HS nhận xét + trao đổi lại cách làm

- HS tự lên đặt tính và nêu cách thực hiện

- Cùng thực hiện theo h/d của GV

* HS nêu sự khác nhau

- HS tự làm trong bảng con; 1 HS làm trên bảng lớp

- Tự nêu ý kiến

- HS lần lượt làm từng phần trong bảng con; 1 HS làm trên bảng lớp

- nhận xét

- HS đổi đơn vị.

a/ 1 giờ 15 phút = 75 phút

38 km 400 m = 38 400 m

b/ Giải

Trung bình mỗi phút người đó đi được là:

38400 : 75 = 512 (m)

Đáp số : 512 m

Tiết 2: Kể chuyện

KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE ĐÃ ĐỌC.

I. Mục tiêu:

- Kể lại được câu chuyện, (đoạn chuyện) đã nghe, đã đọc nói về đồ chơi của trẻ em hoặc những con vật gần gũi với trẻ em. (Kể chuyện trong SGK theo chủ điểm Tiếng sáo diều)

- Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể

- Biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

- GDHS yêu quý đồ chơi của mình, có ý thức giữ gìn và bảo vệ đồ chơi góp phần thực hành tiết kiệm.

II. Đồ dùng

- GV: chuẩn bị nội dung một câu chuyện theo chủ đề

- HS chuẩn bị những câu chuyện có nội dung theo đề bài.

III. Các hoạt động dạy học

A. Kiểm tra bài cũ:

- Gọi 3 hs nối tiếp nhau kể truyện “ Búp bê của ai?” bằng lời của búp bê.

- Nhận xét, đánh giá

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Hướng dẫn kể chuyện

a) Tìm hiểu đề bài :

- Gọi hs đọc yêu cầu

- Cho HS đọc phân tích đề bài, GV dùng phấn màu gạch dưới những từ ngữ chính.

- Yêu cầu HS kể tên các câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe trong chủ điểm : Tiếng sáo diều.

- Em còn biết những truyện nào có nhân vật là đồ chơi của trẻ em hoặc là con vật gần gũi?

- Giới thiệu câu chuyện của mình kể cho các bạn nghe.

b) Kể trong nhóm:

- Yêu cầu HS kể chuyện và trao đổi với các bạn về tính cách các nhân vật trong truyện, ý nghĩa truyện

- GV giúp đỡ các HS gặp khó khăn

- Nên kể câu chuyện ngoài sách; kể có đầu có kết thúc kết truyện theo lối mở rộng.

c) Kể trước lớp

- Tổ chức cho hs thi kể trước lớp

-Hỏi lại bạn về tính cách nhân vật ý nghĩa của truyện

- Gọi hs nhận xét bạn kể

- GV nhận xét.

3. Củng cố, dặn dò:

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm

- HS lắng nghe

- HS nêu tên truyện: Chú lính chì dũng cảm, Chú Đất Nung, Búp bê của ai?...

- HS nêu: Dế Mèn bênh vực kẻ yếu; Chim sơn ca và bông cúc trắng; Con ngỗng vàng

- 2 -> 3 HS giới thiệu

VD: Tôi xin kể câu chuyện “ Chú lính chì dũng cảm”

- HS hoạt động theo nhóm 2

- 5 -> 7 HS thi kể

- HS nhận xét

- Gọi hs nêu tên câu chuyện mình kể và ý nghĩa của câu chuyện.

- Nhận xét tiết học

- Nhắc hs về kể lại câu chuyện cho người thân nghe và chuẩn bị bài sau: *Kể câu chuyện về đồ chơi của mình.*

Tiết 3: Tập đọc TUỔI NGỰA

I. Mục tiêu :

- Biết đọc với giọng vui, nhẹ nhàng; đọc đúng nhịp thơ, bước đầu biết đọc với giọng có biểu cảm một khổ thơ trong bài.

- Hiểu nội dung của bài thơ: Cậu bé tuổi Ngựa thích bay nhảy, thích du ngoạn nhiều nơi nhưng yêu mẹ, đi đâu cũng nhớ tìm đường về với mẹ.

- GDHS tình cảm yêu quý mẹ; yêu quý người thân

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh hoạ bài học.

- Bảng phụ viết sẵn những câu thơ, khổ thơ cần hướng dẫn HS luyện đọc.

III. Các hoạt động dạy học :

A. Bài cũ:

- Gọi 2 hs đọc bài : *Cánh diều tuổi thơ* và TLCH về nội dung bài.

- Gọi 1 hs đọc toàn bài, nêu nội dung của bài

- Nhận xét .

B. Bài mới:

1. *Giới thiệu bài*: GV dùng tranh giới thiệu bài

2. *Nội dung*:

Hoạt động 1: *Hướng dẫn luyện đọc*

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.

- Bài thơ chia làm mấy khổ ?

- GV gọi 4 HS tiếp nối nhau đọc từng khổ thơ.

HDHS đọc ngắt nhịp thơ.

- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2.

Kết hợp giải nghĩa khó : *tuổi Ngựa, đại ngàn*

- GV đọc diễn cảm toàn bài: với giọng vui, nhẹ nhàng; đọc đúng nhịp thơ, bước đầu biết đọc với giọng có biểu cảm một khổ thơ trong bài.

Hoạt động 2: *Hướng dẫn tìm hiểu bài*

- Bạn nhỏ tuổi gì ?

- Mẹ bảo tuổi ấy tính nết như thế nào ?

- HS đọc, cả lớp theo dõi đọc thầm theo bạn.

4 khổ thơ.

- HS đọc nối tiếp từng khổ thơ của bài

- 4 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- HS luyện đọc ngắt nghỉ, nhấn giọng.

- 2 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một khổ của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

- Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn.

- HS đọc thầm khổ thơ 1.

- Tuổi Ngựa

- Tuổi ấy không chịu ở yên một một chỗ, là tuổi thích đi.

Ý 1: Giới thiệu bạn nhỏ tuổi ngựa.

- “Ngựa con” theo ngọn gió rong chơi những đâu ?

Ý 2: “Ngựa con” rong chơi khắp nơi cùng ngọn gió.

- Điều gì hấp dẫn “Ngựa con” trên những cánh đồng hoa ?

Ý đoạn 3 :Tả cảnh đẹp của đồng hoa mà ngựa con vui chơi.

- Trong khổ thơ cuối , “ Ngựa con “ nhắn nhủ mẹ điều gì ?

- Nếu vẽ một bức tranh minh họa bài thơ này, em sẽ vẽ như thế nào?

- Cậu bé yêu mẹ như thế nào?

Ý 4: Cậu bé dù đi chơi muôn nơi vẫn tìm đường về với mẹ.

- Nội dung chính bài thơ là gì?

Hoạt động 3: Đọc diễn cảm+HTL

- Gọi 4 hs nối tiếp nhau đọc từng khổ thơ

- GV treo bảng phụ giới thiệu khổ thơ cần luyện đọc

Mẹ ơi con sẽ phi

Gió đen hút đại ngàn

Qua bao nhiêu ngọn gió

Mấp mô triền núi đá

Gió xanh miền trung du

Con mang về cho mẹ

Gió hồng vùng đất đỏ

Ngọn gió của trăm miền

- Tổ chức cho hs thi đọc diễn cảm đoạn thơ

- Nhận xét.

- Tổ chức cho đọc nhẩm và thuộc

- HS đọc khổ thơ 2.

- Ngựa rong chơi qua miền trung du, qua những cao nguyên đất đỏ, những rừng lớn mấp mô núi đá. Ngựa mang về cho mẹ gió của trăm miền.

- HS đọc khổ 3

- Màu sắc của hoa mơ, hương thơm ngọt ngào của hoa huệ, gió và nắng trên cánh đồng tràn ngập hoa cúc đại.

- HS đọc khổ 4

- Con hay đi nhưng mẹ đừng buồn, dù đi đâu con cũng nhớ đường tìm về với mẹ.

+ Vẽ như SGK : cậu bé đang phi ngựa trên cánh đồng đầy hoa, hướng về phía một ngôi nhà, nơi có một người mẹ đang ngồi trước cửa chờ mong.

+ Vẽ một cậu bé đang trò chuyện với mẹ, trong vòng đồng hiện của cậu bé là hình ảnh cậu đang cưỡi ngựa vun vút trên miền trung du.

+ Vẽ một cậu bé đứng bên con ngựa trên cánh đồng đầy hoa, đang nâng trên tay một bông cúc vàng.

- Cậu bé rất yêu mẹ, đi xa đến đâu cũng nghĩ về mẹ, cũng nhớ tìm đường về với mẹ.

-Cậu bé tuổi Ngựa thích bay nhảy, thích du ngoạn nhiều nơi nhưng rất yêu mẹ, đi đâu cũng nhớ tìm đường về với mẹ.

- 4 hs đọc tiếp nối nhau

- HS luyện đọc theo nhóm 2

- 3 ->5 hs thi đọc

- HS đọc nhẩm trong nhóm

từng khổ thơ, bài thơ

- Gọi hs đọc thuộc lòng

- Nhận xét đánh giá

- Hs đọc thuộc lòng

3. **Củng cố, dặn dò:**

- Cậu bé trong bài có tính cách gì đáng yêu?

- Nhận xét tiết học

- Dặn hs tiếp tục học thuộc bài thơ; đọc trước bài sau: *Kéo co*

Tiết 4: **Kĩ thuật**

CẮT, KHÂU SẢN PHẨM TỰ CHỌN. (Tiết 1)

I. Mục tiêu:

- HS biết cách cắt, khâu túi rút dây.

- Cắt, khâu được túi rút dây.

- HS yêu thích sản phẩm mình làm được.

II. Đồ dùng

- Mẫu túi vải rút dây (được khâu bằng mũi khâu thường hoặc khâu đột) có kích thước lớn gấp hai lần kích thước quy định trong SGK.

- Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải hoa hoặc màu (mặt vải hoa rừ để HS dễ phân biệt mặt trái, phải của vải).

+ Chỉ khâu và một đoạn len (hoặc sợi) dài 60cm.

+ Kim khâu, kéo cắt vải, thước may, phấn gạch, kim băng nhỏ hoặc cặp tằm.

III. Hoạt động dạy học

A. Kiểm tra bài cũ :

- Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của học sinh

B. Bài mới :

1) *Giới thiệu bài:* “*Cắt, khâu, thêu sản phẩm tự chọn*”. Cắt, khâu, thêu túi rút dây và nêu mục tiêu bài học.

2) *Hướng dẫn cách làm:*

Hoạt động 1: GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét mẫu.

- GV giới thiệu mẫu túi rút dây, hướng dẫn HS quan sát túi mẫu và hình SGK và hỏi:

+ Em hãy nhận xét đặc điểm hình dạng và cách khâu từng phần của túi rút dây.

- GV nhận xét và kết luận: *Túi hình chữ nhật. Có hai phần thân túi và phần luôn dây. Phần thân túi được khâu ghép 2 mép vải bằng mũi khâu thường hoặc khâu đột. Phần luôn dây có đường nếp để lồng dây, được khâu theo cách khâu viền đường gấp mép vải. Kích thước túi có thể thay đổi tùy theo ý thích.*

- Nêu tác dụng của túi rút dây.

Hoạt động 2: GV hướng dẫn thao tác kỹ thuật.

- HS quan sát và trả lời.

- HS nêu.

-GV hướng dẫn HS quan sát H.2 đến H.9 để nêu các bước trong quy trình cắt, khâu túi rút dây.
 -Hỏi và gọi HS nhắc lại cách khâu viền gấp mép, cách khâu ghép hai mép vải.
 -Hướng dẫn một số thao tác khó như vạch dấu, cắt hai bên đường phần lượn dây H.3 SGK, gấp mép khâu viền 2 mép vải phần lượn dây H.4 SGK. Vạch dấu và gấp mép tạo đường lượn dây H.5 SGK, khâu viền đường gấp mép H.6a, 6b SGK.
 -GV lưu ý khi hướng dẫn một số điểm sau :
 +Trước khi cắt vải cần vuốt phẳng mặt vải. Sau đó đánh dấu các điểm theo kích thước và kẻ nối các điểm, các đường kẻ trên vải thẳng và vuông góc với nhau.
 +Cắt vải theo đúng đường vạch dấu
 +Khâu viền các đường gấp mép vải để tạo nếp lồng dây trước, khâu ghép 2 mép vải ở phần túi sau.
 +Khi bắt đầu khâu phần thân túi cần vòng 2-3 lần chỉ qua mép vải ở góc tiếp giáp giữa đường gấp mép của phần lượn dây với phần thân túi để đường khâu chắc, không bị tuột chỉ.
 +Nên khâu bằng chỉ đôi và khâu bằng mũi khâu đột thưa để chắc, phẳng.

-HS quan sát và trả lời.

-HS theo dõi.

-HS lắng nghe.

-HS theo dõi.

Hoạt động 3: HS thực hành khâu túi rút dây

-GV nêu yêu cầu thực hành .
 -GV tổ chức cho HS thực hành đo, cắt vải và cắt, gấp, khâu hai bên đường nếp phần lượn dây.

-HS thực hiện thao tác.

-Cả lớp.

3. Nhận xét- dặn dò:

-Nhận xét về sự chuẩn bị, tinh thần học tập của HS.
 -Chuẩn bị bài tiết sau: *Cắt, khâu, thêu sản phẩm tự chọn*.

Buổi chiều:

Tiết 1+2: Tiếng Việt*

GIAO LƯU “EM YÊU TIẾNG VIỆT ”

I. Mục tiêu: - Tạo ra sân chơi trí tuệ và cơ hội học tập cho tất cả các đối tượng HS, đồng thời giao lưu phát hiện học sinh có năng khiếu, học sinh có thành tích nổi trội hoặc tởm ra học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học để kịp thời có kế hoạch bồi dưỡng và giúp đỡ.

- Góp phần củng cố, khắc sâu và vững chắc các kiến thức cơ bản đó học của môn tiếng việt

- Bồi dưỡng tinh cảm yêu trường, yêu lớp, yêu quý thầy cô, bạn bè.....GDHS yêu thích học tiếng việt.

II. Chuẩn bị: Phô tô nội dung giao lưu trên khổ giấy A4, TLV viết tròn giấy ụ li

III. Tiến trình

Hoạt động 1: Giáo viên phát đề thi giao lưu

HS nhận đề giao lưu

+ Nhắc nhở học sinh về cách thức làm bài

HS làm bài

I. Phần trắc nghiệm :

Khoanh vào các chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Dòng nào sau đây chỉ toàn từ láy?

A. không khí, lạ lùng, nồng nàn, no nê, hăng hắc

B. rậm rạp, rơm rạ, nồng nàn, no nê, hăng hắc

C. rậm rạp, lạ lùng, nồng nàn, no nê, hăng hắc

Câu 2.1: Từ nào sau đây có đủ cả ba bộ phận của tiếng?

a. ta

b. oán

c. ơn

2.2. Trong ba bộ phận của tiếng, bộ phận nào có thể khuyết cú?

a. Vần

b. Thanh

c. Âm đầu

2.3. Tiếng “ưa” có những bộ phận nào ?

a. Âm đầu “ưa”, vần “a”, thanh ngang.

b. Âm đầu “ưa”, vần “ưa”, không có thanh.

c. Không có âm đầu, vần “ưa”, thanh ngang.

Câu 3. Gạch dưới từ viết sai chính tả trong mỗi nhóm sau:

a/ lịch sử, xuất sứ, sử sách, sử tử

b/ giành độc lập, dành dụm, tranh dành, rành rọt

Câu 4. Hóy đặt dấu phẩy cho đúng vào các câu sau:

a. Xa xa những ngọn nỳi nhấp nhụ mấy ngụi nhà thấp thoỏng vại cỏnh chim chiều bay lũng thũng về tổ.

b. Một biển lỳa vàng vớ quanh em hương lúa chín thoang thoảng đầu đây.

Câu 5. Dững nào dưới đây chỉ gồm các từ láy?

A. Cũ kĩ, ồn ào, tốt tươi, lung linh

B. Khuya khoắt, ồn ó, lũng củng, rộn ràng.

C. Vui vẻ, khỏu khỉnh, hấp tấp, học hỏi.

Câu 6. Gạch dưới từ viết sai chớnh tả trong mỗi nhúm sau:

a/ trăn trọng, trăn phương, chân thành, chân thực

b/ rằm rằm, rằm rộ, rục rỡ, rỗ rành

Câu 7: Văn Miếu Quốc Tử Giám được xây dựng vào thời vua nào?

A. Lý Thái Tổ

B. Lý Thánh Tông

C. Lê Thánh Tông

Câu 8. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các tính từ?

A. ngăn ngắ, ngày ngày, mềm mại, rộng rãi.

B. nao núng, mặn mà, giữ gìn, giỏi giang.

C. lướn thướn, gầy gò, gằn gũ, hắg hái.

Câu 9: Gạch dưới từ dùng sai trong câu sau rồi sửa lại:

Thật tuyệt vời ! Hôm nay là chủ nhật, em dậy sớm chạy dọc theo bờ biển hít thở không khí hoà bình.

- Từ đó cần sửa thành :

Câu 10: Từ in đậm trong câu sau thuộc loại nào : *Món ăn ngày rất Việt Nam.*

a. Là động từ

b. Là tính từ

c. Là danh từ

Câu 11: Những tên người nước ngoài nào viết đúng:

a/ Giụ - dộp

b/ Pax - can

c/ Vóch to Huy - gụ

d/ Lu - i pax- tơ

Cầu 12. Trong cốc từ: **tươi tốt, long lanh, riu rít, lỏch cỏch** cútừ lỏy:

A. 2 từ lỏy

B. 3 từ lỏy

C. 4 từ lỏy

Cầu 13. Trong câu: **Chỳng ta hỏy ngồi vào bàn₁ để bàn₂ việc đi.** Từ **bàn₁** và từ **bàn₂** là :

A . DT -ĐT

B/ ĐT - DT

C. TT - ĐT

Cầu 14: Những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nào viết đúng quy tắc.

a/ Vịnh Hạ Long

b/ Núi Tam Đảo

c/ Hồ núi Cốc

d/ Cổ đô Hoa Lư

e/ Động Phong Nha

g/ Đèo hải vân

h/ Thỏ Y- A- LI

i/ Bói biển mũi Nộ

Cầu 15: Điền vào chỗ trống **chiều** hay **triều**?

Buổi ... , thủy ... , đờnh, chuộng.

Cầu 16. Dấu ngoặc kép sau cú tỏc dụng gỡ?

Long Khánh có nhiều cảnh thiên nhiên đẹp, nhất là Suối Tre. Khách tham quan đến đây đều nói : " Suối Tre là Đà Lạt của miền Đông Nam Bộ".

Cầu 17. Từ nào là từ ghép phõn loại?

A. học tập

B. học đũi

C. học hành

D. học hỏi

Cầu 18: Nối từng từ ở bên trái với nghĩa của từ đó ở bên phải:

a. Tự tin	1. Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình
b. Tự kiêu	2. Tự cho mỗnh là kộm, khụng tin vào chính mỗnh
c. Tự ti	3. Hỏnh diện về những điều tốt đẹp của mỗnh
d. Tự trọng	4. Luụn tin vào bản thõn mỗnh
e. Tự hào	5. Giận dỗi khi cảm thấy mỗnh bị đánh giá thấp
g. Tự ỏi	6. Tự coi mỗnh hơn người và tỏ ra coi thường người khác

Cầu 19. Dấu hai chấm trong câu sau dùng để làm gỡ?

Quê tôi có nhiều cây ăn quả : sầu riêng, chôm chôm, mít, xoài ...

Cầu 20. Gạch dưới từ viết sai chính tả trong mỗi nhóm sau:

a/ chuyện cũ, kiểm chuyện, chuyện ngắn, cốt truyện.

b/ chồng chộ, tru trộ, chộ cỏnh, tạm chỳ

Tiết 3: **Toán ***

LUYỆN TẬP: NHÂN VỚI SỐ CÓ 3 CHỮ SỐ. GIỚI THIỆU

I. Mục tiêu:

- Củng cố về kĩ năng thực hiện phép nhân với số có 3 chữ số trong cả 2 trường hợp.
- Rèn kĩ năng tính toán, thực hiện đặt tính và tính toán cẩn thận, chính xác.
- Yêu thích môn học, rèn kĩ năng tính toán cẩn thận.

II. Đồ dùng dạy học: - Bảng phụ**III Các hoạt động dạy học****Hoạt động 1: Ôn lí thuyết**

- Khi nhân với số có ba chữ số ta thực hiện nh-

- 2,3 HS nhắc lại

thế nào?

- Khi nhân với số có 3 chữ số có chữ số 0 ở giữa thì ta thực hiện nh- thế nào?

- Lấy ví dụ

GV chốt cách nhân

Hoạt động 2: Luyện tập

Bài 1: Đặt tính rồi tính

a. 1256×135

b. 328×604

c. $123\ 324 \times 203$

- Nhận dạng các phép tính

- Với các phép tính cần l- u ý điều gì?

GV: Chốt cách nhân với số có 3 chữ số

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức sau $n \times m + c$ biết:

a. $n = 321$; $m = 275$; $c = 48$

b. $n = 4093$; $m = 107$; $c = 590$

- Nhận dạng biểu thức

- Nhắc lại thứ tự thực hiện phép tính

GV: Chốt cách tính giá trị biểu thức có phép nhân với số có ba chữ số

Bài 3: Một vận động viên chạy đ- ờng dài trong 5 phút đầu, mỗi phút chạy đ- ợc 350m; trong 2 phút sau, mỗi phút chạy đ- ợc 315m. Hỏi trung bình mỗi phút vận động viên đó chạy đ- ợc bao nhiêu mét?

- Bài toán cho biết gì hỏi gì?

- Bài toán thuộc dạng toán nào đã học?

Chốt giải toán tìm số trung bình cộng

***Bài 4:** Một đại lí bánh kẹo bán đ- ợc 255 hộp kẹo và 85 hộp bánh. Biết rằng giá mỗi hộp bánh bằng giá 3 hộp kẹo và giá 1 hộp kẹo là 15 000 đồng. Tính số tiền mà đại lí đó đã thu đ- ợc do bán bánh và kẹo?

GV h- ớng dẫn:

- Tìm giá một hộp bánh

- Tìm giá của 255 hộp kẹo

- Tìm giá 85 hộp bánh

- Số tiền đại lí thu đ- ợc

- Nhận xét, chấm một số bài.

3. Củng cố, dặn dò:

- Khi nhân với số có ba chữ số ta thực hiện nh- thế nào?

- Nhận xét giờ học. Dặn HS xem lại bài.

- Nhận xét.

- HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính.

- 4HS lên bảng thực hiện, lớp làm vở

- Nhận xét.

- Đọc đề, xác định yêu cầu đề.

- 2HS lên bảng thực hiện

- Nhận xét.

- HS đọc đề, phân tích đề và nêu cách thực hiện.

- 1 HS lên bảng tóm tắt và giải bài toán

3 phút đầu chạy đ- ợc số mét là:

$$350 \times 3 = 1050 \text{ (m)}$$

2 phút sau chạy đ- ợc số mét là:

$$315 \times 2 = 630 \text{ (m)}$$

Trung bình mỗi phút vận động viên chạy là:

$$(1050 + 630) : 5 = 336 \text{ (m)}$$

$$\text{Đ/s : } 336 \text{ m}$$

- Nhận xét.

- Đọc yêu cầu, phân tích và nêu h- ớng giải

* HS thực hiện giải bài toán bằng 2 cách.

Buổi sáng**Tiết 1: Toán
LUYỆN TẬP****I. MỤC TIÊU**

- Thực hiện được phép chia cho số có hai chữ số.
 - Rèn kỹ năng giải toán có lời văn.
 - Hoàn thành tối thiểu bài 1 (dòng 1, 2); bài 2.
 - HS say mê học toán.
- => Gúp phần hõnh thành năng lực tónh toỏn và phẩm chất chỏm chỉ cho HS.

II. CHUẨN BỊ :**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC****HD1 : HD khởi động :****HD2 : Bài mới****1. Giới thiệu bài (1')****2. Hướng dẫn HS luyện tập (36')**

Bài 1 (dòng 1, 2): Gọi HS đọc bài.

- GV theo dõi, hướng dẫn.
- GV gọi HS lên bảng chữa bài.
- GV nhận xét, chữa bài.
- * Củng cố, rèn kỹ năng chia cho số có hai chữ số.

Bài 2: GV hướng dẫn tìm hiểu bài toán.

- Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?

Tóm tắt:

25 viên gạch : $1m^2$

1015 viên gạch : m^2 ?

- GV theo dõi, hướng dẫn.
- GV nhận xét, chữa bài.
- * Củng cố giải toán lời văn liên quan đến phép chia.

(Nếu còn thời gian cho HS làm bài còn lại)

Bài 3: Cho HS đọc bài.

- Cho HS đổi vở kiểm tra, báo cáo.
- GV nhận xét, chữa bài.
- * Củng cố giải toán lời văn liên quan đến phép chia.

Bài 4: - GV treo bảng phụ.

- Cho HS tự làm bài.
- GV nhận xét, chữa bài.

HD3 : HD ứng dụng (3')

HS trao đổi với người thân về cách chia cho số có hai chữ số.

- HS đọc yêu cầu.
- HS làm bài.
- 4 HS lên bảng chữa bài.
- Lớp nhận xét, chữa bài.

- 1 HS đọc bài toán.
- HS trả lời.

- HS tự làm bài vào vở.
- HS lên bảng chữa bài, lớp nhận xét.

- HS đọc, suy nghĩ làm bài.
- HS đổi vở kiểm tra, báo cáo.

- HS đọc bài.
- HS làm bài.
- HS nêu kết quả, giải thích sai ở đâu?

Tiết 2: **Tập làm văn**
LUYỆN TẬP MIÊU TẢ ĐỒ VẬT

I. Mục tiêu:

- củng cố cho HS cách làm văn miêu tả: cấu tạo 3 phần của bài văn; trình tự miêu tả; hiểu vai trò của quan sát trong việc miêu tả những chi tiết, biết cách xen kẽ giữa lời kể và lời tả
- Lập được dàn ý cho bài văn tả chiếc áo mặc đến lớp
- Giáo dục HS ý thức giữ gìn, yêu quý đồ vật xung quanh

II. Đồ dùng dạy - học :

- Dàn ý mẫu chép trên bảng phụ

III. Các hoạt động dạy - học:**A- Kiểm tra bài cũ:**

- Thế nào là miêu tả? Cấu tạo của bài văn miêu tả.

- HS lên bảng trả lời.

- Khi tả đồ vật cần chú ý gì?

- HS nghe, nhận xét.

B. Bài mới

- 1- Giới thiệu bài: Cho HS quan sát tranh minh hoạ Chiếc xe đạp -> giới thiệu bài.

- HS quan sát, lắng nghe.

2- Hướng dẫn hs làm bài:

- Bài 1:** Y/c HS đọc bài văn: *Chiếc xe đạp của chú Tư.*

- 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm.
- 1 HS đọc phần chú giải trong bài.
- HS xác định các phần mở bài, thân bài và kết bài trong bài văn trên.

- Tìm các phần mở bài, thân bài và kết bài trong bài văn trên.
- Phần MB, thân bài, KB trong bài văn trên có tác dụng gì? MB theo cách nào?

- MB giới thiệu chiếc xe đạp của chú Tư.

- Thân bài: Tả chiếc xe đạp và tình cảm của chú Tư với chiếc xe đạp.

- Kết luận bố cục của bài văn miêu tả chiếc xe đạp.*

- Kết bài: Nói lên niềm vui của đám con nít và chú Tư bên chiếc xe đạp.

- Y/c 1 HS đọc lại phần thân bài, TLCH:
+ Tác giả quan sát chiếc xe đạp bằng giác quan nào?

- 1 HS đọc phần thân bài.

- YC HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau:

- Mắt nhìn, tai nghe.

- + Ở phần thân bài, chiếc xe đạp được tả theo trình tự như thế nào?

- (HS nêu - GV ghi bảng thành dàn ý)

- HS thảo luận theo nhóm đôi TLCH.

- + Tìm từ ngữ miêu tả bao quát chiếc xe.

- HS nêu ý kiến- HS nghe, nhận xét.

+Tả chi tiết chiếc xe, tác giả chọn tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật. Đó là những bộ phận nào?
+ Chi tiết nào nói lên tình cảm của chú Tư với chiếc xe đạp?

+ Tìm lời kể chuyện xen lẫn lời miêu tả trong bài.

+Lời kể nói lên điều gì về tình cảm của chú Tư đối với chiếc xe đạp?

Chốt: Cấu tạo của bài văn miêu tả đồ vật gồm 3 phần (MB, TB, KB). MB có thể theo kiểu trực tiếp hoặc GT và KB theo kiểu MR hay không MR. Thân bài tả theo thứ tự từ bao quát đến cụ thể. Lưu ý chọn tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật. Để đồ vật sống động cần quan sát kỹ đồ vật bằng nhiều giác quan. Khi tả cần bộc lộ tình cảm của mình với đồ vật .

Bài 2: GV ghi đề bài.

- HDHS xác định yêu cầu bài.
- HDHS lập dàn ý: tả chiếc áo em mặc đến lớp hôm nay.
- Gọi HS nhận xét bài của bạn trên BP.
- Gọi một vài HS khác trình bày dàn ý.
- GV chốt:
- Từ những ý nêu trên ta thấy rõ cấu tạo bài văn tả gồm những phần nào?

- Để tả đồ vật được sinh động cần chú ý gì khi quan sát? Khi tả cần lồng thêm điều gì?

-Dàn ý mẫu (Bảng phụ)

1.Mở bài:

- Là một chiếc áo sơ mi đỏ cũ em mặc đỏ hơn một năm.

2. Thân bài:

- Áo màu xanh lơ
- Chất vải: cô tông(không có ni lông nên mùa đông ấm, mùa hè mát.
- Dáng rộng, tay áo không quá dài, mặc rất thoải mái.
- Cổ còn mềm, vừa vặn, áo có hai cái túi trước ngực rất tiện, có thể cài bút vào trong

- Tả từ bao quát đến chi tiết, tình cảm của chú Tư với chiếc xe.

- xe đẹp nhất, không có chiếc nào sánh bằng.

- Xe màu vàng, vành láng bóng, khi ngừng đạp xe ro ro thật vui tai. Giữ tay cầm có gắn hai con bướm,...

- Bao giờ dừng xe, chú cũng lau, phui sạch sẽ. Chú âu yếm gọi chiếc xe là con ngựa sắt,...

- HS nêu.....

- Tình cảm của chú Tư với chiếc xe đạp: Chú yêu quý chiếc xe và hãnh diện về nó.

- HS nêu y/c.

- HS làm việc cá nhân.

- KKHS làm bài trên bảng phụ.

- KKHS nêu: Để tả đồ vật được sinh động cần chú ý sử dụng nhiều giác quan để quan sát. Khi tả cần lồng thêm tình cảm của người tả hay nhân vật trong truyện với đồ vật ấy.

- KKHS nêu các ý khái quát cần tả: giới thiệu; nhận xét bao quát về áo, dạng áo, chất liệu, màu sắc, đặc điểm nổi bật về cách trang trí, ...tình cảm của bản thân với chiếc áo

- HS vận dụng tự làm bài

- 3-5 HS đọc dàn ý

- HS khác theo dõi, quan sát chiếc áo của bạn + nhận xét và bổ sung

- HS nêu.

- HS nêu.

- Hàng khuy xanh bóng được khâu rất chắc chắn

3. Kết luận:

- Áo đỏ cũ nhưng em rất thích
- Em có cảm giác mình lớn lên khi mặc áo này.

3- Củng cố - Dặn dò:

- Thế nào là miêu tả ?

- Muốn có bài văn miêu tả đồ vật chi tiết, hay cần chú ý điều gì ?

+ GDHS yêu mến các đồ vật.

- Nhận xét tiết học. Dặn HS chuẩn bị bài sau: *Quan sát đồ vật*.

Tiết 3: Địa lí **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ(Tiếp)**

I. Mục tiêu

- Biết đồng bằng Bắc Bộ có hàng trăm nghề thủ công truyền thống : dệt lụa, sản xuất đồ gốm, chiếu cói, chạm bạc, đồ gỗ....
- Dựa vào tranh ảnh mô tả về cảnh chợ phiên
- HS Biết khi nào một làng trở thành làng nghề. Biết quy trình sản xuất đồ gốm.
- Biết tôn trọng bảo vệ các thành quả lao động.

II. Đồ dùng:

- Bản đồ nông nghiệp Việt Nam.
- Tranh ảnh về trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công, chợ phiên ở đồng bằng Bắc Bộ.

III. Hoạt động dạy học

A. Kiểm tra bài cũ

-Hãy kể tên một số cây trồng, vật nuôi chính ở đồng bằng Bắc Bộ?

-Vì sao lúa gạo được trồng nhiều ở đồng bằng Bắc Bộ?

Gv nhận xét, đánh giá.

B. Bài mới

1. *Giới thiệu bài:* GV nêu mục tiêu của bài học.

2. *Nội dung*

HD1: Nơi có hàng trăm nghề thủ công truyền thống.

- Yêu cầu các nhóm quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

- Kể tên một số nghề thủ công truyền của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ?

-2 HS trả lời
-HS nhận xét

- HS làm việc nhóm đôi
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả
- Nhóm khác nhận xét
- HS nêu: dệt lụa, sản xuất đồ gốm, chiếu cói, chạm bạc, đồ

- Khi nào 1 làng trở thành làng nghề ?

- Kể tên làng nghề và sản phẩm thủ công nổi tiếng của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ mà em biết?

- Thế nào là nghệ nhân của nghề thủ công?

- Quan sát hình hãy nêu thứ tự các công đoạn làm ra sản phẩm gốm?

Kết luận: Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ có hàng trăm nghề thủ công với nhiều sản phẩm nổi tiếng ở trong và ngoài nước. Nơi có nghề thủ công phát triển tạo nên làng nghề.

+ Liên hệ về một số làng nghề nổi tiếng.

HD2: Chợ phiên.

- Yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

- Dựa vào tranh quan sát và tìm ra kiến thức.

- Chợ phiên ở đồng bằng Bắc Bộ có đặc điểm gì?

- Mô tả về chợ theo tranh ảnh. Chợ nhiều người hay ít người? Trong chợ có những loại hàng hoá nào?

KL: Chợ phiên ở đồng bằng Bắc Bộ là nơi diễn ra các hoạt động mua bán tập nập. Hàng hoá bán ở chợ phần lớn là các sản phẩm sản xuất tại địa phương.

- GD kĩ năng sống: Trong phiên chợ đông người nên tuyệt đối không được vứt rác bừa bãi sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường

3. Củng cố- Dặn dò.

- Bài học hôm nay các em được tìm hiểu về những hoạt động sản xuất nào của người dân ở ĐBBB?

- Hãy kể tên một số nghề thủ công của người dân ở ĐBBB.

- Nhận xét giờ học.

- Chuẩn bị bài sau: Thủ đô Hà Nội

gỗ....

- Những nơi nghề thủ công phát triển mạnh tạo nên làng nghề.

- Làng Bát Tràng ở Hà Nội chuyên làm gốm sứ, làng Đồng Kỵ ở Bắc Ninh chuyên làm đồ gỗ....

- Người làm nghề thủ công giỏi được gọi là nghệ nhân.

- HS nêu quy trình sản xuất đồ gốm: Đào đất -> nhào đất cho gốm -> tạo dáng -> phơi gốm -> vẽ hoa văn -> nung gốm -> các sản phẩm gốm.

- Hoạt động mua bán diễn ra tập nập, ngày họp chợ không trùng nhau, hàng hoá bán ở chợ là những sản phẩm sản xuất ở địa phương và một số hàng hoá mang từ nơi khác đến phục vụ cho sản xuất .

- Chợ phiên có rất đông người, hoạt động mua bán tập nập hàng hoá bán ở chợ là những sản phẩm sản xuất ở địa phương và một số hàng hoá mang từ nơi khác đến phục vụ cho sản xuất .

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

- Nhóm khác nhận xét.

- HS đọc ghi nhớ.

Buổi chiều:Tiết 1: **Tin học** (GVC)Tiết 2: **Tiếng Anh** (GVC)Tiết 3: **Toán*****LUYỆN TẬP: CHIA MỘT TÍCH CHO MỘT SỐ VÀ
CHIA MỘT SỐ CHO 1 TÍCH****I. Mục tiêu:**

- Củng cố và nâng cao kiến thức về chia một tích cho một số, chia một số cho một tích. Tìm số phép chia chưa biết, mối quan hệ các thành phần trong phép chia. Giải toán chia một tích cho một số.
- Rèn kĩ năng nhân, chia và giải toán.
- GD HS yêu thích môn toán, góp phần phát huy khả năng sáng tạo của hs.

II. Đồ dùng dạy học:

-Bảng nhóm (bài 4)

III. Các hoạt động dạy - học:**Hoạt động 1: Ôn lại kiến thức**

- Phát biểu quy tắc chia một tích cho một số.
Cho ví dụ.
- Nêu cách chia một số cho một tích. Cho ví dụ.
Chốt:
- Chia một số cho 1 tích, ta chia số đó cho 1 thừa số, rồi lấy kết quả tìm được chia tiếp cho thừa số kia
- Khi chia 1 tích cho 1 số ta lấy 1 thừa số chia cho số đó (nếu chia hết) rồi lấy kết quả tìm được nhân với thừa số kia.

- HS phát biểu quy tắc
- HS lấy ví dụ minh họa

Hoạt động 2: Thực hành**Bài 1:** Tính giá trị của biểu thức bằng 2 cácha) $40 : (5 \times 4)$ b) $(45 \times 63) : 9$

- Nhận dạng biểu thức
- Nêu các cách làm

-Xác định cách làm thuận lợi nhất trong 2 cách trên.

*Chốt: Vận dụng tính chất chia 1 số cho một tích, 1 tích cho 1 số làm bài.***Bài 2:** Một trường tiểu học nếu chia số học sinh thành 12 lớp thì mỗi lớp có 24 học sinh. Hỏi nếu chia thành 9 lớp thì mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

- YC hs đọc tóm tắt và giải bài toán
- Bài toán có dạng nào?
- Gọi hs chữa bài.

- HS làm bài vào giấy nháp.
 - 2 hs làm bảng lớp, chữa bài
- a, C1 : $40 : (5 \times 4) =$
 $= 40 : 20 = 2$
- C2: $40 : (5 \times 4) = 40 : 5 : 4$
 $= 8 : 4 = 2$
- KKHS làm cách 3:
 C3: $40 : (5 \times 4) = 40 : 4 : 5$
 $= 10 : 5 = 2$

- HS đọc đề bài, phân tích yêu cầu bài.
- Tóm tắt bài toán
- Lập kế hoạch bài giải
- Trình bày bài giải.
- HS làm bài cá nhân vào vở
- HS nhận xét chữa bài

- GV chấm Đ/S nhận xét bài làm.

Chốt: Vận dụng một tích chia cho một số để giải bài toán

Bài 3 : Một phép chia hết có thương là 204 .

Nếu số bị chia giảm đi 6 lần và giữ nguyên số chia thì thương mới bằng bao nhiêu?

Gợi ý : Khi số bị chia giảm đi 6 lần và giữ nguyên số chia thì thương mới cũng giảm đi 6 lần.

Thương mới là $204 : 6 = 34$

Bài 4: Tìm X

a) $3885 : (X \times 5) = 7$

b) $50343 : X = 6$ (dư 123).

Gợi ý phần b.

$50343 : X = 6$ (dư 123).

$6 \times X + 123 = 50343$

$6 \times X = 50343 - 123$

$6 \times X = 50220$

$X = 50220 : 6$

$X = 8370$

Chốt: Cách tìm số chia chưa biết.

3. **Củng cố, dặn dò:**

- Gọi hs nhắc lại tính chất chia một số cho một tích và chia một tích cho một số.
- Nhận xét giờ tiết học

+B1: Tìm 12 lớp có bao nhiêu học sinh.

+B2: Với số HS đó chia vào 9 lớp thì mỗi lớp có số HS Đ/s : 32 HS

-HS đọc và xác định yêu cầu đề.

-HS nêu mối quan hệ các thành phần trong phép chia.

- 1 em lên chữa bài, cả lớp làm vào vở.

-HS đọc và xác định yêu cầu đề.

-HS nêu cách tìm số chia chưa biết.

- 2 em làm bảng nhóm, cả lớp làm vào vở.

-Nêu cách làm từng phần.

-HS treo bảng nhóm, chữa bài, nhận xét.

Thứ 6 ngày 16 tháng 12 năm 2022

Tiết 1: **Toán**

CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ. (T3)

I.Mục tiêu:

- Giúp học sinh biết thực hiện phép chia số có năm chữ số cho số có 2 chữ số (chia hết, chia có dư).
- Rèn kỹ năng đặt tính và thực hiện tính trường hợp trừ nhầm.
- GDHS : Có ý thức tự giác học tập, cẩn thận khi thực hiện chia.

II.Đồ dùng

- GV : Phấn màu.
- HS : Bảng con, vở

III.Hoạt động dạy học

A. Kiểm tra bài cũ :

- Gọi 2 hs lên bảng thực hiện tính giá trị biểu thức phần a bài 2 trang 83
- Gọi hs nhận xét
- GV nhận xét, đánh giá.

B. Bài mới :

1. Giới thiệu bài :

2. Hướng dẫn thực hiện phép chia

a. Ví dụ 1:

- GV viết phép chia $10105 : 43$
- Yêu cầu hs vận dụng cách chia đã học thực hiện tính kết quả.
- Gọi hs nêu cách làm
- Yêu cầu nhận xét tìm cách viết gọn nhất.
- Nhận xét và hướng dẫn cách trình bày (như SGK)

$$\begin{array}{r|l} 10105 & 43 \\ 150 & 235 \\ 215 & \\ \hline & 00 \end{array}$$

- Thực hiện chia theo thứ tự ntn ?
- So sánh với cách trình bày của tiết trước .

b) Ví Dụ 2: $26345 : 35$

- GV hướng dẫn thực hiện tương tự a

$$\begin{array}{r|l} 26345 & 35 \\ 184 & 752 \\ 095 & \\ \hline & 25 \end{array}$$

Thử lại: $752 \times 35 + 25 = 26345$

- So sánh ví dụ a và b nêu nhận xét.

- Nêu đặc điểm của số dư.

Chốt: Khi thực hiện phép chia ta chia theo thứ tự từ trái sang phải. (lưu ý cách ước thương cho chuẩn xác; khi chia xong thử lại bằng tính nhân)

3. Luyện tập

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

- Gọi hs nêu yêu cầu
- GV hướng dẫn hs thực hiện 1 phép chia
- YC hs làm bài vào vở
- Gọi hs nhận xét
- Nhận xét

Chốt cách chia cho số có 2 chữ số.

- 1 HS lên bảng làm bài.

- Cả lớp làm vào nháp.

- Yêu cầu HS lấy nháp tính kết quả phép chia $10105 : 43$

- Hs đặt tính và thực hiện chia theo sự hướng dẫn của gv.

- 3 HS chia miệng lại.

- Chia theo thứ tự từ trái sang phải.

- Giống nhau: Đều chia cho số có 2 chữ số.

- Khác nhau: Tiết trước chia trừ không nhẩm. Tiết này chia trừ nhẩm.

- Hs đặt tính và thực hiện chia theo sự hướng dẫn của gv.

- 3 HS chia miệng lại.

- Giống: Đều chia cho số có 2 chữ số.

- Khác: Phép chia phần a không dư, phép chia phần b có dư.

- Số dư bé hơn số chia.

- 1 học sinh đọc yêu cầu.

- HS theo dõi.

- Cả lớp làm bài vào vở.

- 1 học sinh lên bảng làm bài.

Bài 2. (HS nào hoàn thành bài 1 thì làm bài 2 vào nháp).

- Yêu cầu hs đọc kĩ đề bài và giải bài toán vào nháp.

- Nhận xét - đánh giá.

Chốt cách giải bài toán có lời văn tìm trung bình cộng của các số.

3. **Củng cố, dặn dò:**

- Nêu cách thực hiện chia cho số có 2 chữ số.

- Nhận xét tiết học

- Nhắc hs về tự viết và thực hiện các phép chia theo nội dung bài học; xem trước bài sau: *Luyện tập*

- 1 học sinh lên bảng làm bài.
Dưới lớp làm vở nháp
- HS nhận xét - chữa bài.

Tiết 2: **Luyện từ và câu** **GIỮ PHÉP LỊCH SỰ KHI ĐẶT CÂU HỎI**

I. Mục tiêu:

- Nắm được phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác.

- Biết thưa gửi, xưng hô phù hợp với quan hệ giữa mình và người được hỏi, tránh những câu hỏi tò mò hoặc làm phiền lòng người khác. Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật, tính cách của nhân vật qua lời đối đáp (BT 1,2 mục III).

- KNS: Thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp ; biết lắng nghe ý kiến của người khác. Giáo dục HS ý thức tôn trọng những người xung quanh mình khi giao tiếp .

II. Đồ dùng:

- Bảng phụ ghi Bài 1(n/x); BT2 (luyện tập)

III. Các hoạt động dạy - học

A. Kiểm tra bài cũ:

- Kể tên các trò chơi, đồ chơi mà em biết.

- Kể tên 1 vài trò chơi, đồ chơi có lợi.

GV nhận xét

B. Bài mới:

1. *Giới thiệu bài:*

2. *Phần nhận xét.*

Bài 1: Tìm câu hỏi+ từ ngữ trong câu hỏi thể hiện thái độ lễ phép của người con: (bảng phụ)

- Y/c HS tự làm bài

Chốt:

- Câu hỏi: *Mẹ ơi, con tuổi gì?*

- Từ ngữ thể hiện thái độ lễ phép: “*Mẹ ơi*”

Bài 2: Đặt câu khi muốn biết sở thích của mọi người về ăn mặc, vui chơi, giải trí

- T/c hoạt động nhóm

- T/c cho HS báo cáo + h/d nhận xét

Củng cố: Khi đặt câu hỏi cần kèm các từ thể hiện sự lịch sự trong giao tiếp (thưa gửi, hoặc xưng hô cho phù hợp với mối quan hệ)

- 2 Hs nêu

- HS nhận xét,.

- 1 Hs phát biểu.

- Cả lớp theo dõi, nhận xét.

- Hs đặt vài câu tương tự.

- 1 Hs nêu yêu cầu.

- Hs thảo luận nhóm đôi, ghi lại vào nháp (nhiều câu hỏi).

- Đại diện nhóm trình bày + nêu từ ngữ thể hiện sự lịch sự

Bài 3: Đề giữ lịch sự cần tránh những câu hỏi như thế nào?

- Gv gợi ý: Khi đặt câu hỏi với thầy cô giáo có khác với câu hỏi với bạn không?

Chốt: Cần tránh những câu hỏi thiếu lễ phép, câu hỏi tò mò, làm phiền lòng người khác.

Ví dụ: - *Cô ơi, sao hôm nay cô mặc xấu thế ?*

- *Sao cậu lại béo thế ?*

- *Sao cậu dốt thế ?*

3- Ghi nhớ:

+ Khi đặt câu hỏi, để giữ phép lịch sự thể hiện qua những việc nào?

4- Phần luyện tập:

Bài 1: Cách hỏi và đáp giữa các nhân vật trong đoạn truyện thể hiện mối quan hệ gì và thể hiện tính cách của mỗi nhân vật như thế nào?

- T/c hoạt động nhóm

- H/d nhận xét và chốt đáp án đúng:

Đáp án : a- Quan hệ giữa hai nhân vật là *quan hệ thầy- trò*.

b- Quan hệ giữa hai nhân vật là *quan hệ thù địch giữa tên phát xít xâm lược và cậu bé yêu nước*

GV tổng hợp ,nhận xét và thống nhất kết quả đúng

Bài 2: Treo bảng phụ. Cho HS nêu yêu cầu.

+ Tìm các câu hỏi? Các câu hỏi của nhân vật nào?

+Theo em, các bạn có thể hỏi cụ già các câu hỏi gì?

+ Câu hỏi nào là thích hợp nhất?

Chốt: Câu hỏi của các bạn là hợp lí nhất vì thể hiện sự tế nhị, cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ cụ già của các bạn.

3. Củng cố, dặn dò:

- Để giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi, cần chú ý điều gì?

Liên hệ thực tế để giáo dục HS về phép lịch sự trong giao tiếp; chú ý giáo dục cách hỏi đáp trống không thường gặp ở HS (tích hợp giáo dục KNS)

- Cả lớp theo dõi, nhận xét

- 1Hs nêu yêu cầu.

- Hs suy nghĩ, trả lời.

- 1 vài hs nêu ý kiến

- 1 HS đọc ghi nhớ.Cả lớp đọc thầm.

- 1Hs đọc yêu cầu.

- 2Hs đọc 2 đoạn văn.

- trao đổi theo nhóm đôi.

- Đại diện 2 nhóm trình bày.

- Cả lớp theo dõi, nhận xét.

- 1Hs đọc yêu cầu.

- 2 Hs đọc đoạn văn.

- HS phát biểu ý kiến

+ Câu hỏi của các bạn là câu hỏi thích hợp thể hiện thái độ tế nhị, thông cảm sẵn lòng giúp đỡ cụ già.

+ Nếu các bạn hỏi cụ già bằng câu hỏi các bạn tự hỏi nhau thì câu đó hơi tò mò hoặc chưa tế nhị.

- HS nêu nhận xét.

- HS tự liên hệ đến cách xưng hô của các bạn xung quanh và bản thân

- Nhận xét tiết học. Nhắc HS vận dụng tốt bài học vào giao tiếp hàng ngày; xem và chuẩn bị trước bài sau: *MRVT: Đồ chơi- Trò chơi*

Tiết 3: Tập làm văn **QUAN SÁT ĐỒ VẬT**

I. Mục tiêu:

- Biết quan sát đồ vật theo một trình tự hợp lí, bằng nhiều cách khác nhau; phát hiện được đặc điểm phân biệt đồ vật này với đồ vật khác.
- Dựa vào kết quả quan sát, biết lập dàn ý để tả một đồ chơi quen thuộc.
- Giáo dục HS ý thức yêu quý, giữ gìn đồ vật.

**Dạy trải nghiệm(Bài 1-phần nhận xét)*

II. Đồ dùng:

- Đồ chơi do hs tự mang đến BT1; bảng phụ HD4

III. Các hoạt động dạy - học

A- Kiểm tra bài cũ:

- Kiểm tra việc chuẩn bị đồ chơi của HS.
- Nhận xét

B- Bài mới:

1. Giới thiệu bài :

2- Nhận xét:

Bài 1:(Dạy trải nghiệm)

Quan sát đồ chơi và ghi lại những điều đã quan sát được:

- GV hướng dẫn các em chia thành nhóm có chung đồ chơi để tiện quan sát.
- H/d HS cách quan sát: (theo gợi ý SGK)
- Y/c HS tự quan sát và ghi chép
- Tổ chức cho HS báo cáo kết quả quan sát
- +Đồ vật em quan sát .

+Nhìn bao quát:

+ Quan sát từng bộ phận của đồ chơi.

+ Các giác quan để quan sát.

- Tổ trưởng tổ báo cáo việc chuẩn bị của các tổ viên.

- 1 HS đọc và nêu y/c của bài
- HS giới thiệu đồ chơi của mình.
- + Em có chú gấu bông rất đáng yêu.
- + Đồ chơi của em là chiếc ô tô chạy bằng pin.
- + Đồ chơi của em là chú thỏ đang cầm củ cà rốt rất ngộ nghĩnh.
- + Đồ chơi của em là một con búp bê bằng nhựa.
- HS quan sát đồ chơi của mình đã chuẩn bị . (Hoặc có thể quan sát cá nhân.)
- 1 HS đọc gợi ý.
- HS ghi chép kết quả quan sát theo thứ tự.
- HS chia sẻ cùng bạn kết quả đã quan sát được.
- +Là con gấu bông, búp bê, cái chong chóng, bộ xếp hình...
- +Đồ vật có hình dạng, kích thước, màu sắc....
- + Bên ngoài đến bên trong, từ trên

+ Tìm ra đặc điểm riêng biệt của đồ chơi. + Em đã sử dụng và bảo quản đồ chơi đó ntn? - H/d nhận xét và bổ sung ý kiến Bài 2: Những điểm cần chú ý khi quan sát đồ vật: + Qua bài tập 1, hãy nêu những điều cần chú ý khi quan sát đồ vật? - T/c hoạt động nhóm KL: Những điểm cần chú ý khi quan sát đồ vật: - Chọn đồ chơi định tả. - Quan sát theo thứ tự nhất định: từ bao quát đến cụ thể. - Quan sát bằng nhiều giác quan. - Cố gắng tìm ra đặc điểm riêng của đồ vật. => không cần quá tỉ mỉ, chi tiết. 3- Ghi nhớ: 4- Luyện tập: Lập dàn ý bài văn tả đồ chơi. - Cùng cố lại cho HS về: + Cấu tạo của bài văn miêu tả đồ vật + Trình tự miêu tả - Y/c HS tự làm bài dựa vào kết quả quan sát được(giúp đỡ những HS còn lúng túng) - T/c báo cáo kết quả và h/d nhận xét, đánh giá.	xuống dưới, bộ phận đầu: Tai, mắt mõm; mình : bụng, lông, chân, tay..... + Dùng mắt nhìn đồ vật có kích thước, màu sắc ntn? Tai nghe âm thanh của tiếng động đồ vật phát ra sao? Tay sờ thấy đồ vật thô ráp hay nhẵn nhụi? + Khác với đồ chơi khác ở điểm nào? + Chơi xong lau chùi cẩn thận và cất đi. - HS khác nhận xét, bổ sung - HS trao đổi trong nhóm đôi - Báo cáo và bổ sung - 1 HS đọc ghi nhớ trong sgk, - Lớp đọc thầm - hs đọc y/c bài. - HS nêu lại - Tự làm bài trong vở; 1 HS làm trong bảng nhóm và gắn trên bảng lớp - 2-3 HS đọc dàn ý của mình - N/xét và bổ sung ý kiến
---	--

Tiết 4: Khoa học

LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT CÓ KHÔNG KHÍ?

I. Mục tiêu:

- HS tự làm thí nghiệm để nhận biết xung quanh mọi vật và chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí.
- Rèn kĩ năng thực hành, thảo luận nhóm; làm thí nghiệm
- GDHS say mê khoa học, tự làm một số thí nghiệm để khám phá khoa học.

II. Đồ dùng

- Hình 62- 63 SGK
- 2 túi ni lông to, dây chun, kim băng, chậu nước, chai không , bột biển ..
- HS: Túi nilông, dây chun.

III. Các hoạt động dạy học.**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Vì sao phải tiết kiệm nước? Mỗi chúng ta cần làm gì để tiết kiệm nước?
- Nhận xét, tuyên dương HS.

B. Bài mới:**1. Giới thiệu bài:****2. Nội dung:****Hoạt động 1: Không khí có ở quanh mọi vật**

Mục tiêu: Phát hiện sự tồn tại của không khí và không khí có ở quanh mọi vật

Cách tiến hành:

Bước 1: Tổ chức và hướng dẫn

- GV chia nhóm yc nhóm trưởng kiểm tra chuẩn bị đồ dùng để làm thí nghiệm.

- YC đọc mục thực hành trang 62 để biết cách làm

Bước 2: HS làm thí nghiệm theo nhóm; GV theo dõi, giúp đỡ
+ Cho hs cầm túi nilông chạy ở hành lang của lớp 4 A. Khi chạy mở rộng miệng túi sao cho túi nilông căng phồng sau đó dùng dây chun buộc chặt miệng túi lại

+ Lấy kim chọc thủng túi nilông đang căng phồng, quan sát hiện tượng xảy ra tại chỗ thủng.

- YC hs thảo luận và kết luận

Bước 3: Trình bày

- Gọi hs trình bày, nhóm khác nhận xét

Chốt : Thí nghiệm chứng tỏ không khí có ở quanh mọi vật .

Hoạt động 2: Không khí có trong những chỗ rỗng của mọi vật

Mục tiêu: HS phát hiện không khí có ở khắp nơi kể cả trong những chỗ rỗng của các vật.

Cách tiến hành:

- HS thực hiện theo yêu cầu

- 1 HS đọc

- HS làm thí nghiệm theo nhóm 6

- HS thảo luận

- 2 -> 3 HS trình bày

Bước 1: Tổ chức hướng dẫn

- GV chia nhóm yc nhóm trưởng kiểm tra chuẩn bị đồ dùng để làm thí nghiệm.

- YC đọc mục thực hành trang 63 để biết cách làm

Bước 2: HS làm thí nghiệm theo nhóm; GV theo dõi, giúp đỡ

- YC cả nhóm thảo luận đặt ra câu hỏi

+ Có đúng là trong chai rỗng này không chứa gì?

+ Trong những lỗ nhỏ li ti của miếng bọt biển không chứa gì?

- GV yêu cầu làm thí nghiệm như SGK.

- Cả nhóm thảo luận rút ra kết luận.

Bước 3: Trình bày.

- Gọi đại diện các nhóm trình bày và giải thích

- GV kết luận chung:

TN	Hiện tượng	Kết luận
1	Dùng kim châm túi ni lông => túi dần xẹp xuống ..Đề tay vào chỗ thủng => mát như có gió	Không khí có trong túi ni lông ..
2	Khi mở nút chai ta thấy có bong bóng nổi trên mặt nước	Không khí có ở trong chai rỗng
3	Nhúng miếng bọt biển khô vào chậu nước => bong bóng nhỏ chui ra	Không khí có trong khe hở của miếng bọt biển

-Ba thí nghiệm trên cho em biết điều gì?

Chốt: Xung quanh mọi vật và mọi chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí

-GV treo hình 5 trang 63 SGK và giải thích: Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là khí quyển.

-Gọi hs nhắc lại định nghĩa về khí quyển

- HS thực hiện theo yêu cầu

- 1 HS đọc

- HS làm thí nghiệm theo nhóm 4

- HS thảo luận

- 2 ->3 HS trình bày

-HS nêu: Không khí ở trong mọi vật

-2 HS nhắc lại

3. Củng cố, dặn dò:

- Không khí có ở những đâu?

- Cần làm gì để bảo vệ bầu không khí quanh chúng ta?

GDBVMT: Vì thế ta cần biết bảo vệ bầu không khí để chúng ta có thể tận hưởng không khí trong lành, không nên làm ô nhiễm nguồn nước, ...như vậy một phần nào đó sẽ làm cho bầu không khí bớt bị ô nhiễm.

- Nhận xét tiết học

- Nhắc hs chuẩn bị bài sau: mỗi hs 1 quả bóng bay; bơm tiêm

Buổi chiều:

LUYỆN TẬP: CÂU HỎI, DẤU CHẤM HỎI**I. Mục tiêu:**

- Củng cố hệ thống hoá cách đặt câu hỏi cho bộ phận xác định trong câu; nhận biết từ nghi vấn và đặt câu hỏi cho các từ nghi vấn đó; xác định chính xác câu có từ nghi vấn nhưng không dùng để hỏi
- Rèn kĩ năng xác định và đặt câu hỏi; sử dụng câu chính xác.
- Giáo dục hs có ý thức học tập, nói viết chính xác các câu hỏi trong hoàn cảnh cụ thể

II. Đồ dùng dạy - học:

Bảng phụ.

- GV : Hệ thống BT cho hs
- HS : vở buổi chiều.

III. Các hoạt động dạy - học:**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh
- Nhận xét đánh giá

B. Bài mới:1. Giới thiệu bài:2. Nội dung:**Hoạt động 1: Ôn lại kiến thức:**

- Nêu tác dụng của câu hỏi? Cho ví dụ?
- Dấu hiệu chính nhận biết câu hỏi?
- Gọi hs trả lời.

Chốt: Câu hỏi dùng để hỏi về những điều chưa biết. Phần lớn câu hỏi là để hỏi người khác, nhưng cũng có những câu hỏi để tự hỏi mình. Câu hỏi thường có các từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, không,...). Khi viết cuối câu hỏi có dấu chấm hỏi

- HS trả lời và nêu ví dụ
- Cuối câu có dấu chấm hỏi

- HS nhắc lại ghi nhớ

Hoạt động 2: Thực hành**Bài 1:**

Đặt câu hỏi cho các bộ phận in đậm dưới đây

- Cao Bá Quát** thường mượn những cuốn sách chữ viết đẹp để làm mẫu luyện chữ.
- Cao Bá Quát thường **mượn những cuốn sách chữ viết đẹp để làm mẫu luyện chữ.**
- Cao Bá Quát thường mượn những cuốn sách **chữ viết đẹp** để làm mẫu luyện chữ.
- Cao Bá Quát thường mượn những cuốn sách chữ viết đẹp **để làm mẫu luyện chữ.**

- Nêu cách đặt câu hỏi?

Đặt câu với các bộ phận khác bộ phận in đậm trong 4 câu trên.

Chốt: Cách đặt câu hỏi cho bộ phận cho trước, sử dụng các từ nghi vấn khác nhau để đặt câu hỏi

Bài 2:

- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 1 hs chữa bài trên bảng lớp

- KK HS đặt câu

Đánh dấu x vào từ nghi vấn có thể sử dụng để chuyển từng câu kể thành câu hỏi:

Từ nghi vấn Câu kể	a, à, ả	chưa	phải không	có không	gì
Trời đã sáng					
Hôm nay kiểm tra Tiếng Việt					
Bố đã về					
Lan thích xem phim					

- HS nêu cách chuyển các câu trên thành câu hỏi
- Gọi hs làm bài.
- Chữa bài, nhận xét.

Chốt: Cách chuyển câu kể thành câu hỏi bằng cách sử dụng các từ nghi vấn cho phù hợp

Bài 3: Đặt câu hỏi cho mỗi từ sau:

- a) Nhờ đâu? b) U? c) Đã ... chưa?

Gọi hs nêu câu của mình đặt

- Nhận xét chốt đáp án đúng

Chốt: Cách đặt câu hỏi có từ nghi vấn cho trước

Bài 4:

Sáng nay đến lớp cô giáo nhắc nhở về bài học nhưng khi về em trót quên mất. Hãy viết đoạn văn trong đó có dùng câu hỏi để tự hỏi mình.

- Nêu nội dung đoạn viết.
- Đoạn văn viết cần đảm bảo yêu cầu gì?

VD: Sáng nay cô giáo có nhắc nhở chúng mình về nhà thực hành một số việc. Mình vừa đọc bài vừa nghĩ: “Không biết cô giáo có giao về nhà sưu tầm tranh không nhỉ?”

Chốt cách đặt câu hỏi tự hỏi mình

3. Củng cố, dặn dò:

- Nêu tác dụng của câu hỏi? Cách nhận biết câu hỏi?
- Nhận xét tiết học
- Nhắc hs ôn lại bài

- HS làm bài trên bảng lớp
- 1 -> 2 hs chuyển câu kể thành câu hỏi

- HS đặt câu hỏi và làm bài vào vở.
- HS đọc câu mình vừa đặt

- HS viết bài vào vở
- HS đọc bài làm của mình, lớp nhận xét bổ sung

Tiết 2: Lịch sử NHÀ TRẦN VÀ VIỆC ĐẮP ĐÊ

I. Mục tiêu

- Nêu được một vài sự kiện về sự quan tâm của nhà Trần tới sản xuất nông nghiệp
- Nhà Trần quan tâm đến việc đắp đê phòng lụt: Lập Hà đê sứ, năm 1248 nhân dân cả nước được lệnh mở rộng việc đắp đê từ đầu nguồn các con sông lớn đến cửa biển; khi có lũ lụt, tất cả mọi người phải tham gia đắp đê; các vua Trần cũng có khi tự mình trông coi việc đắp đê.

- GDHS: Thấy được việc bảo vệ đê điều và phòng chống bão lụt ngày nay là truyền thống của nhân dân ta; cần làm gì để bảo vệ đê điều, phòng chống lũ lụt.

GDBVMT: có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo vệ đê điều- những công trình nhân tạo phục vụ đời sống

II. Đồ dùng dạy học :

- Tranh minh hoạ SGK. Bản đồ tự nhiên Việt Nam.

III. Hoạt động dạy học.

A. Kiểm tra bài cũ:

- Nhà Trần ra đời trong hoàn cảnh nào?
- Nêu những việc làm của nhà Trần nhằm củng cố, xây dựng đất nước.
- Nhận xét, đánh giá.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài: (GV dùng tranh minh hoạ giới thiệu bài)

2. Nội dung:

Hoạt động1: Điều kiện nước ta và truyền thống chống lũ lụt của nhân dân ta

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc SGK trả lời câu hỏi + Nghề chính của nhân dân ta dưới thời Trần là gì ? + Sông ngòi ở nước ta như thế nào? - Hãy chỉ trên bản đồ và nêu tên một số con sông? + Sông ngòi tạo ra những thuận lợi và khó khăn gì cho sản xuất nông nghiệp và đời sông nhân dân? | <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân - Nghề nông nghiệp là chủ yếu. - Sông ngòi chằng chịt: - HS chỉ và nêu - Sông ngòi chằng chịt là nguồn cung cấp nước cho việc cấy trồng nhưng cũng thường xuyên tạo ra lũ lụt làm ảnh hưởng đến mùa màng sản xuất và cuộc sống của nhân dân. - HS quan sát trên bản đồ:sông Hồng, sông Đà, sông Đuống... - HS nêu và kể tóm tắt câu chuyện: Sơn Tinh Thủy Tinh. |
|--|---|

- GV chỉ trên bản đồ và giới thiệu 1 số con sông.
- Kể tóm tắt một câu chuyện về việc chống thiên tai, đặc biệt là chuyện chống lụt lội mà em biết.
- GV nhận xét tuyên dương.

Kết luận: Sông ngòi chằng chịt là nguồn cung cấp nước cho việc cấy trồng nhưng cũng thường xuyên tạo ra lũ lụt làm ảnh hưởng đến mùa màng sản xuất và cuộc sống của nhân dân

Hoạt động 2: Nhà Trần tổ chức đắp đê chống lụt

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Nhà Trần đã tổ chức đắp đê chống lụt như thế nào? - GV nhận xét tuyên dương. <i>KL: Nhà Trần quan tâm đến việc đắp đê và phòng chống bão:</i> + Đặt chức quan Hà đê sứ để trông coi việc đắp đê. + Đặt ra lệ mọi người đều phải tham gia đắp đê. | <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc SGK thảo luận theo nhóm 2 và TLCH |
|--|--|

- + Hằng năm, con trai từ 18 tuổi trở lên phải dành một số ngày tham gia việc đắp đê.
- + Có lúc, các vua Trần cũng tự mình trông nom việc đắp đê.

Hoạt động 3: Kết quả cuộc đắp đê của nhà Trần

- Nhà Trần đã thu được kết quả ntn trong công cuộc đắp đê?
- Hệ thống đê điều đó đã giúp gì cho sản xuất và đời sống nhân dân ta?

KL : Dưới thời Trần, hệ thống đê điều đã được hình thành dọc theo sông Hồng.....

(Giới thiệu ảnh chụp đê sông Hồng)

- Hệ thống đê dọc theo các con sông chính được xây đắp
- Nông nghiệp phát triển

Hoạt động 4: Liên hệ thực tế

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương em có sông gì? - Nhân dân địa phương cùng đắp đê bảo vệ đê ntn? - Nhận xét - bổ sung | <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - HS liên hệ với địa phương mình trả lời trước lớp. |
|---|---|

KL : Xã ta có hệ thống sông ngòi dày đặc: Có sông Hương chảy qua xã, phía nam có sông Tranh, phía tây có sông Côm...

- Việc đắp đê đã trở thành truyền thống của nhân dân ta từ ngàn đời xưa, nhiều hệ thống đã có đê kiên cố, vậy theo em tại sao vẫn có lũ lụt xảy ra hàng năm? Muốn hạn chế lũ lụt chúng ta cần làm gì?

GDBVMT: có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo vệ đê điều- những công trình nhân tạo phục vụ đời sống

- HS trả lời: Xảy ra lũ lụt là do sự phá hoại đê điều, phá hoại rừng đầu nguồn... Muốn hạn chế lũ lụt cần cùng nhau bảo vệ môi trường tự nhiên.

3. Củng cố - dặn dò :

- Nêu một số việc làm thể hiện nhà Trần quan tâm đến việc đắp đê .
- Gọi HS đọc phần ghi nhớ của bài học.
- Nhận xét giờ học.
- Nhắc hs ôn lại bài và đọc trước bài sau: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên

Tiết 3: Hoạt động tập thể SINH HOẠT LỚP

I. Yêu cầu cần đạt

- Kiểm điểm việc thực hiện nề nếp trong tuần.
- Phát huy những ưu điểm, khắc phục những mặt còn tồn tại.
- Đề ra phương hướng hoạt động tuần tới

II. Nội dung :

1. Lớp trưởng báo cáo tình hình hoạt động chung trong tuần.**2. GV nhận xét.****a. Ưu điểm**

- Cô trò thực hiện tốt kế hoạch dạy và học.
- Ý thức học tập tốt
- hoàn thành quỹ Mái ấm Đội viên: tổng 175 000 đ
- Tích cực tham gia vào công việc chung của trường.

b. Tồn tại :

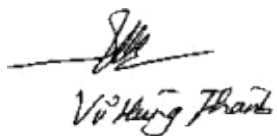
- Chia cho số có hai chữ số còn yếu.
- ý thức luyện chữ viết chưa cao.

3. Phương hướng hoạt động tuần tới

- tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc không đốt pháo nổ, và tàng trữ chất nổ.
- tham gia xây dựng tiểu phẩm: Phòng chống ma túy học đường.
- tích cực ôn tập kiểm tra cuối HK1.
- Luyện Kể chuyện theo sách.

Nhận xét đánh giá của người kiểm tra.

Soạn đúng kế hoạch xây dựng.



Vũ Hưng Thanh